

**ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP HCM  
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC**

Số: 912/BVĐHYD-VTTB

V/v mời chào giá

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2023

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp vật tư y tế tiêu hao theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao năm 2024 (vật tư chuyên khoa Răng hàm mặt).
2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
4. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM.
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 06 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 16 giờ, ngày 25/9/2023.
9. Quy định về tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá: Quý đơn vị thực hiện gửi hồ sơ chào giá online tại website của Bệnh viện và gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị (Tổ Vật tư y tế tiêu hao), Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP HCM.

Người liên hệ: Nguyễn Thị Kim Loan      Số điện thoại: 028 3952 5243

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực của nhà thầu;
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế trong vòng 120 ngày (nếu có);
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (tài liệu lưu hành, catalogue sản phẩm và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác).

Trân trọng./. *MM fu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (J22-282-ttbtran) (02).



BM: CVBT.01(1)



*th nba*

# PHỤ LỤC: PHẠM VI CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT

(Đính kèm Công văn số 2912/BVĐHYD-VTTB ngày 15 tháng 9 năm 2023)

| STT | Tên danh mục                                                       | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | ĐVT | Số lượng |
|-----|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 1   | Miếng vá sàn ổ mắt loại 3 cánh                                     | Miếng vá sàn ổ mắt loại 3 cánh<br>- Chất liệu: Titan<br>- Kích cỡ: dày khoảng 0.3 → 0.35mm<br>- Có 3 cánh nếp, mỗi cánh nếp có 4 lỗ<br>- Tương thích hệ thống vít 1.5mm cùng hãng<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)                                                                                                                                                                                | Cái | 7        |
| 2   | Miếng vá sàn ổ mắt loại 4 cánh                                     | Miếng vá sàn ổ mắt loại 4 cánh<br>- Chất liệu: Titan<br>- Kích cỡ: dày khoảng 0.3 → 0.35mm<br>- Có 4 cánh nếp, mỗi cánh nếp có 4 lỗ<br>- Tương thích hệ thống vít 1.5mm cùng hãng<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)                                                                                                                                                                                | Cái | 4        |
| 3   | Nẹp nhỏ cố định xương gãy vùng hàm mặt, hình chữ X, dạng gấp, 4 lỗ | Nẹp nhỏ cố định vùng hàm mặt, hình chữ X, dạng gấp, 4 lỗ<br>- Chất liệu: titanium<br>- Kích cỡ: rộng > 11mm, dài > 15mm, dày khoảng 0.6 → 0.65mm<br>- Dạng gấp bậc thang, độ dày bậc thang nhiều kích cỡ 2, 4, 6, 8, 10, 12mm<br>- Cấu tạo: hình chữ X, 4 lỗ<br>- Tương thích hệ thống vít nhỏ 2.0mm cùng hãng<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)   | Cái | 22       |
| 4   | Nẹp nhỏ cố định vùng hàm mặt, dạng thẳng, 18 lỗ                    | Nẹp nhỏ cố định vùng hàm mặt, dạng thẳng, 18 lỗ<br>- Chất liệu: titanium<br>- Kích thước: dày khoảng 1 → 1.5mm, khoảng cách 2 lỗ khoảng 5.5 → 5.7mm, độ rộng đoạn nối 2 lỗ khoảng 1.9 → 2.0mm<br>- Chiều dài nẹp từ 98 → 100mm<br>- Cấu tạo: dạng thẳng, 18 lỗ<br>- Tương thích hệ thống vít nhỏ 2.0mm cùng hãng<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) | Cái | 37       |
| 5   | Nẹp nhỏ cố định xương gãy vùng hàm mặt, chữ L phẳng, 4 lỗ          | Nẹp nhỏ cố định vùng hàm mặt, hình chữ L dạng phẳng, 4 lỗ<br>- Chất liệu: titanium<br>- Kích thước: dày khoảng 1.0 → 1.2mm, khoảng cách 2 lỗ 5.5 → 5.7mm; khoảng cách bắc cầu 8.0 → 8.5mm và 11.5 → 12mm.<br>Rộng ≤ 10mm, dài 18 → 18.5mm và 21.5 → 22mm<br>- Cấu tạo: hình chữ L góc 90 → 92°, dạng phẳng, 4 lỗ<br>- Tương thích hệ thống vít nhỏ 2.0mm cùng hãng                                                       | Cái | 35       |
| 6   | Nẹp nhỏ cố định xương gãy vùng hàm mặt, chữ Y, 5 lỗ                | Nẹp nhỏ cố định vùng hàm mặt, hình chữ Y, 5 lỗ<br>- Chất liệu: titanium<br>- Độ dày khoảng 0.65 → 0.75mm, khoảng cách 2 lỗ khoảng 4.5 → 4.7mm<br>- Cấu tạo: hình chữ Y, 5 lỗ<br>- Kích thước: ≤ 10 x 20.3mm<br>- Tương thích hệ thống vít nhỏ 2.0mm cùng hãng<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                    | Cái | 19       |
| 7   | Nẹp nhỏ cố định xương gãy vùng hàm mặt, hình chữ L, dạng gấp, 4 lỗ | Nẹp nhỏ cố định vùng hàm mặt, hình chữ L, dạng gấp, 4 lỗ<br>- Chất liệu: titanium<br>- Kích thước: Độ dày từ 0.8 → 0.9mm<br>- Khoảng cách 2 lỗ khoảng 5.5 → 5.7mm<br>- Cấu tạo: hình chữ L, dạng gấp bậc thang khoảng 2 → 6mm, 4 lỗ.<br>- Tương thích hệ thống vít nhỏ 2.0mm cùng hãng<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                           | Cái | 26       |

mod



| STT | Tên danh mục                                           | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | ĐVT | Số lượng |
|-----|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 8   | Vít cố định xương vùng hàm mặt, đường kính 2.4 → 2.5mm | Vít cố định xương vùng hàm mặt<br>- Chất liệu: Titanium<br>- Đường kính ngoài khoảng 2.4 → 2.5mm, đường kính trong: 1.6 → 1.7mm. Bước ren 1.0 → 1.1mm<br>- Chiều dài vít: 8 → 20mm<br>- Đầu vít có góc khoảng 60 → 62°<br>- Tương thích với mũi khoan 2.0mm, nẹp lớn cùng hãng<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                             | Cái | 94       |
| 9   | Vít cố định xương vùng hàm mặt, đường kính 2.0 → 2.5mm | Vít cố định xương vùng hàm mặt<br>- Chất liệu: titanium<br>- Đường kính ngoài: 1.9 → 2.5mm, đường kính trong 1.25 → 1.35mm. Bước ren 0.75 → 0.8mm<br>- Chiều dài vít: 6 → 20 mm<br>- Đầu vít có góc khoảng 60 → 62°<br>- Tương thích với mũi khoan 1.6mm cùng hãng<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                         | Cái | 749      |
| 10  | Vít titan cho miềng và sàn ổ mắt                       | Vít titan tự khoan, tự taro dùng cho miềng và sàn ổ mắt:<br>- Chất liệu: Titan<br>- Kích cỡ tối thiểu từ 1.5 → 1.65mm<br>- Tự khoan, tự tạo ren khi vặn vít<br>- Mũi vít chữ X<br>- Tương thích miềng và sàn ổ mắt cùng hãng<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                                                               | Cái | 56       |
| 11  | Bản sao chân răng                                      | Bản sao chân răng, dùng trong thủ thuật, phẫu thuật cấy ghép implant<br>- Chất liệu: titanium<br>- Kích thước:<br>+ Đường kính từ 3.2 → 5.0mm, cao khoảng 12 → 13mm<br>- Tương thích vật liệu cấy ghép chân răng có đường kính từ 3.0 → 5.0mm cùng hãng<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                                    | Cái | 90       |
| 12  | Bản sao chân răng cấy ghép kết nối lực giác, các cỡ    | Bản sao chân răng cấy ghép kết nối lực giác dùng cấy ghép trong quy trình phục hình mão răng đối với cấy ghép chân răng xương gò má<br>- Chất liệu: Hợp kim Titanium<br>- Kích thước: đường kính từ 3.0 → 5.5mm<br>- Đầu kết nối hình nón hoặc lực giác<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                                    | Cái | 50       |
| 13  | Cây lấy dấu khay đóng, các cỡ                          | Cây lấy dấu khay đóng dùng trong thủ thuật, phẫu thuật cấy ghép implant<br>- Chất liệu: titanium<br>- Cấu tạo: khay đóng<br>- Đường kính: 4.0 → 5.5mm<br>- Chiều cao nướu: khoảng 2 → 2.5mm<br>- Chiều cao phục hình: khoảng 6 → 6.5mm<br>- Lực vặn 20 - 25Ncm.<br>- Tương thích vật liệu cấy ghép chân răng Implant Titanium C1 cùng hãng<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) | Cái | 120      |

| STT | Tên danh mục                                                     | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | ĐVT | Số lượng |
|-----|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 14  | Cây lấy dấu khay mở, các cỡ                                      | Cây lấy dấu khay mở dùng trong thủ thuật, phẫu thuật cấy ghép implant<br>- Chất liệu: titanium<br>- Kích thước: đường kính: 2.5 → 5.0mm; chiều cao từ 11 → 15mm<br>- Lực vận: 20 - 25Ncm.<br>- Tương thích vật liệu cấy ghép chân răng Implant Titanim C1 cùng hãng<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                           | Cái | 100      |
| 15  | Bệ đỡ, bảo vệ và tái tạo mô mềm trong phục hình răng             | Bệ đỡ, bảo vệ và tái tạo mô mềm trong phục hình răng được gắn vào thời điểm đặt implant<br>- Chất liệu: Hợp kim Titanium<br>- Kích thước: đường kính 3.5 → 5.0mm<br>- Chiều cao nướu từ 1.75 → 2.5mm<br>- Cấu tạo: kết nối trong và ngoài, hình lục giác<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                                      | Cái | 110      |
| 16  | Bơm tiêm nha                                                     | Bơm tiêm nha dùng để lắp ống thuốc tê nha và kim tê nha trong gây tê vùng hàm mặt<br>- Chất liệu: thép không gỉ<br>- Kích thước: chiều dài từ 11 → 12cm,<br>- Dung tích: 1.8ml → 2.2ml<br>- Cấu tạo: Gồm ống bơm và cần đẩy trong lòng ống, cần tay cầm có thể xoay, đầu tiếp nối kim có rãnh xoắn thích hợp với kim gây tê nha khoa các loại<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) | Cái | 11       |
| 17  | Bột xương cấy ghép nhân tạo, dạng hạt 1.2cc                      | Bột xương cấy ghép nhân tạo, dạng hạt 1.2cc ứng dụng ghép các vùng xương khuyết hổng, ổ răng, nâng xoang<br>- Chất liệu: xương bò<br>- Kích thước hạt từ 0.25 → 1.0mm<br>- Trọng lượng: ≥ 0.5g<br>- Thời gian tạo xương từ 4 → 6 tháng<br>- Tiệt khuẩn<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)                                                                                                                                        | Cái | 60       |
| 18  | Bột xương cấy ghép nhân tạo, dạng hạt 1.8cc                      | Bột xương cấy ghép nhân tạo, dạng hạt 1.2cc - 1.8cc ứng dụng ghép các vùng xương khuyết hổng, ổ răng, nâng xoang.<br>- Chất liệu: xương heo<br>- Kích thước hạt từ 0.25 → 2.0mm<br>- Độ xốp 72.4% → 72.5%, diện tích bề mặt: 69.9 → 70.0m <sup>2</sup> /g.<br>- Trọng lượng: ≥ 0.5g<br>- Tiệt khuẩn<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                           | Cái | 31       |
| 19  | Cán dao dùng cho lưỡi dao mổ số 11, 15                           | Cán dao dùng cho lưỡi dao mổ số 11, 15<br>- Chất liệu: Thép không gỉ<br>- Chiều dài: 10 → 15cm<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Cái | 37       |
| 20  | Vật liệu cấy ghép chân răng bằng Titan grade các cỡ (Implant V3) | Vật liệu cấy ghép chân răng bằng Titan grade các cỡ (Implant V3) giải pháp thay thế cho chân răng bị mất<br>- Chất liệu: Titanium grade 23<br>- Kích thước: đường kính từ 3.0 → 5.0 mm, chiều dài: từ 8 → 16mm<br>- Cổ hình tam giác, áp dụng tạo hình cho vùng thẩm mỹ<br>- Đóng gói: 01 implant, 01 vít (cover screw), 01 final drill.<br>- Tiệt khuẩn.<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)                                     | Cái | 170      |

*Handwritten signature*



| STT | Tên danh mục                                | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | ĐVT | Số lượng |
|-----|---------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 21  | Trụ chân răng nhân tạo xương gò má các cỡ   | Trụ chân răng nhân tạo xương gò má, các cỡ sử dụng thay thế chân răng, trong những trường hợp mất xương trầm trọng phải cấy ghép vào xương gò má<br>- Chất liệu: Titanium tinh khiết độ 4<br>- Kích thước: đường kính từ 4.0 → 5.0mm; chiều dài: từ 30 → 53mm<br>- Cấu tạo: Vật liệu cấy ghép chân răng 0° và 45°, kết nối ngoài dạng lục giác<br>- Sử dụng một lần<br>- Tiệt khuẩn<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) | Cái | 50       |
| 22  | Mắc cài sứ                                  | Mắc cài sứ là vật liệu nắn chỉnh răng, dành cho thủ thuật chỉnh nha thẩm mỹ<br>- Chất liệu: sứ, màu trong suốt<br>- Cấu tạo: bề mặt siêu mịn, bo tròn góc cạnh, không bám bẩn, không đổi màu<br>- Tương thích với các dây cung, dây thun các loại<br>- Quy cách: ≥ 20 cái<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)                                                                                                                                                           | Bộ  | 84       |
| 23  | Thân trụ răng cấy ghép implant, kết nối côn | Thân trụ răng cấy ghép implant, kết nối côn dùng trong thủ thuật, phẫu thuật cấy ghép implant<br>- Chất liệu: titanium<br>- Kích thước: đường kính: từ 4.0 → 5.8mm<br>- Tương thích vật liệu cấy ghép chân răng có đường kính từ 3.3 → 5.0 mm<br>- Cấu tạo: dạng thẳng, nghiêng, kết nối côn<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)                                                                                                                                        | Cái | 200      |
| 24  | Cây ấn khâu                                 | Cây ấn khâu dùng để hỗ trợ tạo lực đẩy khâu răng xuống thân răng, bao trùm xung quanh răng khít sát với thân răng. Giúp đặt khâu và làm láng bờ khâu<br>- Chất liệu: thép không gỉ<br>- Cán (tay cầm) dài từ 10 → 12cm, có vân nhám chống trượt<br>- Đầu ấn khâu nhám, có vân nhỏ, hình tam giác<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                                                                                            | Cái | 6        |
| 25  | Cây bóc tách màng xương, nước               | Cây bóc tách màng xương, bóc tách nước vùng hàm mặt<br>- Chất liệu: thép không gỉ<br>- Chiều dài 10 → 12cm, có vân<br>- 2 đầu bóc tách nhiều hình dạng: tam giác, hình lòng máng, nhọn, tròn...<br>- Kích thước đầu bóc tách từ 3.5 → 4.5mm<br>- Độ dày: 4 → 7mm<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                                                                                                                            | Cái | 22       |
| 26  | Cây đục xương                               | Cây đục xương dùng để gọt, lấy đi phần xương dư thừa hoặc xương bệnh lý tạo hình xương trong thủ thuật, phẫu thuật hàm mặt<br>- Chất liệu: thép không gỉ<br>- Chiều dài cây đục xương: khoảng 180mm<br>- Chiều dài đầu đục xương: khoảng 2 → 5mm, sắc bén, phẳng<br>- Hình dạng đầu đục xương: hình thang, chóp, tù, nhọn...<br>- 2 đầu cong ngược chiều nhau, độ mở rộng khoảng 3.5 → 4.0mm<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                | Cây | 10       |
| 27  | Cây dũa xương trong phẫu thuật hàm mặt      | Cây dũa xương dùng để lấy đi phần xương dư thừa, làm mịn, nhẵn vùng xương sau thủ thuật, phẫu thuật hàm mặt<br>- Chất liệu: thép không gỉ<br>- Chiều dài cây dũa xương: khoảng 15 → 20cm<br>- Chiều dài đầu dũa xương: khoảng 1.5 → 2cm<br>- Một hoặc hai đầu dũa xương nghiêng 2 chiều, bề mặt nhám, bén<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                           | Cái | 12       |

| STT | Tên danh mục                                | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | ĐVT | Số lượng |
|-----|---------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 28  | Cây lên dọc hoặc ngang                      | <p>Cây lên dọc hoặc ngang dùng để lên và chèn vật liệu trám răng vào buồng tủy và ống tủy trong điều trị nội nha</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: inox hoặc thép không gỉ</li> <li>- Tay cầm dài từ 15 → 20cm, bề mặt nhám</li> <li>- Một đầu hoặc hai đầu lên dài từ 0.25 → 0.45mm, nhọn, gấp góc 45 độ</li> <li>- Đầu cây lên cứng, láng, nhiều kích cỡ</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul>                                                                                               | Cái | 10       |
| 29  | Cây móc phẫu thuật nha khoa                 | <p>Cây móc phẫu thuật nha khoa là công cụ giữ, kéo mô cơ niêm mạc dùng trong thủ thuật, phẫu thuật vùng hàm mặt</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: inox hoặc thép không gỉ</li> <li>- Tay cầm dài từ 15 → 20cm, bề mặt nhám</li> <li>- Đầu móc đơn hoặc đôi có hai đầu đối chiều nhau</li> <li>- Đầu móc cong hình lưỡi liềm, bén cứng, nhọn, tiết diện nhỏ, thẳng</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul>                                                                                        | Cái | 12       |
| 30  | Cây nạo ngà răng                            | <p>Cây nạo ngà răng lấy mô ngà mủn, ngà hư trong thủ thuật trám răng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: inox hoặc thép không gỉ</li> <li>- Tay cầm dài từ 15 → 20cm, bề mặt nhám</li> <li>- Đầu nạo hình lòng máng, đường kính từ 1.5 → 2 mm, cứng, bén, hai đầu nạo đối chiều nhau, nhiều hình dạng</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul>                                                                                                                                                      | Cái | 12       |
| 31  | Cây nạo nha chu viêm                        | <p>Cây nạo nha chu viêm dùng nạo các mô cơ, niêm mạc viêm, nhiễm trùng ở vùng nướu viêm và vùng phẫu thuật hàm mặt</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: inox hoặc thép không gỉ</li> <li>- Tay cầm dài: 15 → 20cm, bề mặt nhám</li> <li>- Đầu nạo hình lòng máng, dẹp dài, đầu vát tròn, cứng, bén, đường kính từ 1.9 → 2.0mm</li> <li>- Đầu nạo gấp khúc tạo thành góc từ 35 → 45 độ, 2 đầu nạo đối chiều nhau</li> <li>- Chiều dài đầu nạo khoảng 2 → 3cm</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul> | Cái | 12       |
| 32  | Cây nạo ổ răng                              | <p>Cây nạo ổ răng dùng nạo các mô cơ, niêm mạc viêm, nhiễm trùng ở ổ răng và vùng phẫu thuật hàm mặt</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: inox hoặc thép không gỉ</li> <li>- Tay cầm dài từ 15 → 20cm, bề mặt nhám</li> <li>- Đầu nạo hình lòng máng, đường kính đầu nạo từ 2.0 → 2.8mm, sắc bén</li> <li>- Đầu nạo gấp khúc tạo thành góc khoảng 45 độ, 2 đầu nạo đối chiều nhau</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul>                                                                           | Cái | 12       |
| 33  | Cây thám trám nha khoa một đầu hoặc hai đầu | <p>Cây thám trám một đầu hoặc hai đầu là công cụ khám răng, phát hiện các tổn thương trên răng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: thép inox không gỉ</li> <li>- Tay cầm dài từ 15 → 20cm, bề mặt nhám</li> <li>- Đầu khám thám trám có vạch đo từ 1 → 15mm, không bay màu vạch khi tiết khuẩn ở nhiệt độ cao</li> <li>- Cây thẳng một đầu hoặc 2 đầu (một đầu cong lưỡi liềm, gấp góc, một đầu gấp thẳng)</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                                                                                         | Cây | 42       |

mod



| STT | Tên danh mục                                                                          | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | ĐVT  | Số lượng |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------|
| 34  | Cây trám Composite                                                                    | Cây trám Composite là công cụ làm láng, mịn bề mặt chất phủ trám răng bằng vật liệu composite, tạo hình thể răng như mong muốn<br>- Chất liệu: thép không gỉ<br>- Tay cầm dài từ 10 → 15cm, bề mặt nhám<br>- Hai đầu được phủ lớp chống dính, hình dạng: tam giác, tròn, lưới liềm, dẹp...xoay hai hướng đối chiều nhau<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                                                                                                                                                                                     | Cây  | 94       |
| 35  | Cây trám răng các loại                                                                | Cây trám các loại dùng để đưa vật liệu trám răng vào các vùng răng sâu trong trám răng<br>- Chất liệu: inox hoặc thép không gỉ<br>- Tay cầm dài từ 15 → 20cm, bề mặt nhám<br>- Đầu trám nhiều hình dạng: tròn, dẹp, trụ, nhám... Đầu cứng, láng, nhiều kích cỡ<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Cây  | 28       |
| 36  | Cây vận ngắn/dài trong cấy ghép implant                                               | Cây vận ngắn và dài dùng để vận ốc kết nối trong thủ thuật phẫu thuật cấy ghép implant<br>- Chất liệu: thép không gỉ<br>- Dài 21 → 27mm, bề mặt tay cầm có đường vân.<br>- Đường kính đầu vận khoảng 0.05 → 0.06 inch<br>- Tương thích với các ốc vận trong hệ thống vật liệu cấy ghép chân răng Implant Titanium C1/V3<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                                                                                                                                                                                     | Cái  | 5        |
| 37  | Vật liệu trám bít các lỗ hổng trên răng, dạng đặc (tạo hình răng hàm, xoang trám lớn) | Vật liệu trám bít các lỗ hổng trên răng, dạng đặc (tạo hình răng hàm, xoang trám lớn)<br>- Chất liệu: Composite Harmonize<br>- Thành phần: hạt độn nano > 81%<br>- Dạng đặc<br>- Trọng lượng: ≥ 4g<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Tuýp | 240      |
| 38  | Chất trám răng dạng lỏng (trám xoang nhỏ, trám lót cho xoang lớn)                     | Chất trám răng dạng lỏng có tác dụng lấp đầy các lỗ hổng trên răng<br>- Thành phần: Composite lỏng<br>- Có cân quang cao, dễ nhìn thấy khi chụp với tia X<br>- Có độ sánh, độ dán dính tốt, có nhiều màu tương ứng với màu răng<br>- Trọng lượng: ≥ 2g<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Tuýp | 150      |
| 39  | Chêm gỗ                                                                               | Chêm gỗ dùng chèn chặt các dụng cụ hỗ trợ trám, phục hình răng, chỉnh nha<br>- Chất liệu: gỗ<br>- Kích thước: 3 → 5 mm<br>- Cấu tạo: hình tam giác, trơn, một đầu nhọn dẹp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Cái  | 192      |
| 40  | Chỉ co nướu cỡ #0, #00                                                                | Chỉ co nướu dùng để tách nướu trước khi lấy dấu cùi răng, tách nướu trường hợp trám xoang loại V, để định hình đường hoàn tất trước khi mài cùi cho mão răng, cũng như trước khi gắn mão răng, kiểm soát dưới nướu trong quá trình điều trị nhạy cảm ở cổ răng<br>- Chất liệu: 100% cotton, không ngâm tẩm hóa chất<br>- Sợi chỉ dạng mảnh và trung bình, dài ≥ 330mm/cuộn<br>- Kích cỡ (độ dày của sợi chỉ): #0, #00<br>- Cấu trúc vòng xoắn, không bị bật các sợi chỉ ra, cố định được vị trí muốn đặt chỉ<br>- Thước đo và lưới dao cắt tích hợp trên lọ<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) | Cuộn | 41       |

| STT | Tên danh mục                   | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | ĐVT  | Số lượng |
|-----|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------|
| 41  | Chỉ co nướu cỡ #000            | Chỉ co nướu dùng để tách nướu trước khi lấy dấu cùi răng, tách nướu trường hợp trám xoang loại V, để định đường hoàn tất trước khi mài cùi cho mào răng, cũng như trước khi gắn mào răng, kiểm soát dưới nướu trong quá trình điều trị nhạy cảm ở cổ răng<br>- Chất liệu: 100% cotton, không ngấm tẩm hóa chất<br>- Sợi chỉ dạng mảnh và trung bình, dài $\geq 330\text{mm}$ /cuộn<br>- Kích cỡ (độ dày của sợi chỉ) #000<br>- Cấu trúc vòng xoắn, không bị bật ra, cố định được vị trí muốn đặt chỉ<br>- Thước đo và lưỡi dao cắt tích hợp trên lọ<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO               | Cuộn | 36       |
| 42  | Chỉ nha khoa                   | Chỉ nha khoa làm sạch răng, lấy mảng bám trên răng và kẽ giữa các răng, lấy vật liệu trám dư trong thủ thuật trám răng<br>- Chất liệu: polytetrafluoroethylene (PTFE) hoặc sợi nylon<br>- Cấu tạo: Sợi chỉ dạng mảnh, đơn sợi, trơn, dễ trượt qua các kẽ răng<br>- Chiều dài cuộn tối thiểu 25m<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                           | Cuộn | 113      |
| 43  | Chổi đánh bóng nha chu         | Chổi đánh bóng nha chu được sử dụng trong việc đánh bóng, làm sạch lại bề mặt răng sau thủ thuật điều trị nha chu<br>- Đầu chổi bằng nylon, nhiều hình dạng. Cán chổi bằng thép không gỉ.<br>- Chiều dài từ 2.5 đến 3cm.<br>- Tiêu chuẩn chất lượng ISO                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Cái  | 7.301    |
| 44  | Chốt đặt cố định trong ống tủy | Chốt đặt cố định trong ống tủy dùng trong điều trị tủy răng, phục hình thân răng có chốt<br>- Thành phần: Titanium<br>- Kích cỡ: 1 x 2.5mm $\rightarrow$ 6.25 x 2mm<br>- Đường kính: khoảng 1.1 $\rightarrow$ 1.6mm<br>- Cấu tạo: gồm nhiều rãnh hình xoắn ốc, thuận dần đều phù hợp với độ thuận của ống tủy, dễ bẻ cong theo hình dạng ống tủy<br>- Đóng gói: $\geq 25$ cái/vi<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                                                          | Vi   | 5        |
| 45  | Chốt (Vít) nhỏ trong chính nha | Chốt (Vít) nhỏ trong chính nha dùng trong khoan và cấy ghép trực tiếp vào xương hàm, kết hợp thun kéo các loại, tạo lực kéo giữ không cho các răng xê dịch chạy khỏi cung hàm hoặc làm lún, trôi răng theo mong muốn<br>- Thành phần: Titanium<br>- Chiều dài: từ 6 $\rightarrow$ 10mm<br>- Đường kính: từ 1.2 $\rightarrow$ 2.0mm<br>- Cấu tạo: gồm nhiều rãnh hình xoắn ốc, thuận dần đều, bám chắc vào xương hàm<br>- Đầu vặn vít có khóa phù hợp với đầu cây vặn và thân vặn, cán vặn<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) | Cái  | 120      |
| 46  | Cọ tăm bông bôi keo trám răng  | Cọ tăm bông dùng để bôi keo trám răng vào xoang cần trám, ống tủy dùng trong trám răng<br>- Chất liệu: cán nhựa PP, đầu bôi keo bằng bông tròn nhỏ, không rụng lông tơ khi sử dụng<br>- Cán nhựa dài: khoảng 5 $\rightarrow$ 8cm<br>- Đầu tăm bông đường kính: khoảng 1 $\rightarrow$ 1.5mm<br>- Sử dụng 1 lần<br>- Đóng gói: $\geq 100$ cây/hộp<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                                                                                                                                                  | Hộp  | 56       |

Handwritten signature



| STT | Tên danh mục                             | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | ĐVT | Số lượng |
|-----|------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 47  | Cùi chốt giả đúc kim loại                | <p>Cùi chốt giả đúc kim loại giúp tái tạo cùi răng và mô chân răng liên kết với nhau thông qua chốt. Nhờ điều này mà lực nhai đi qua mào răng tới phần tái tạo cùi răng có thể dễ dàng đi xuống mô chân răng và toả ra mô nha chu xung quanh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo: Kim loại Nguyên khối</li> <li>- Chất liệu: Hợp kim Crome - Cobal</li> <li>- Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh</li> <li>- Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ của Bệnh viện để hoàn thiện sản phẩm.</li> <li>- Yêu cầu khi sử dụng: Không kích ứng niêm mạc miệng.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                         | cái | 74       |
| 48  | Cung lưỡi cố định các răng hàm, hàm dưới | <p>Cung lưỡi cố định các răng hàm, hàm dưới dùng để duy trì sự thẳng hàng của các răng hàm dưới (răng 36, 46) ở nguyên 1 vị trí trong quá trình niềng răng, giữ cho các răng hàm không bị xô dịch, được lưu giữ nhờ các khâu nắn chỉnh răng hoặc các chụp thép có sẵn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Dây blue Elgiloy (Hợp kim)</li> <li>- Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh</li> <li>- Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ của Bệnh viện để hoàn thiện sản phẩm.</li> <li>- Yêu cầu khi sử dụng: Đây là khí cụ cố định được gắn chặt vào cung hàm dưới, không kích ứng niêm mạc miệng, không thấm hút nước bọt, dễ dàng chỉnh sửa theo yêu cầu của nha sĩ.</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                                                           | Gói | 5        |
| 49  | Cung cố định các răng hàm hàm trên       | <p>Cung cố định các răng hàm hàm trên là khí cụ có tác dụng giữ cho các răng hàm (16, 26) ở hàm trên cố định ở nguyên 1 vị trí trong quá trình niềng răng, giữ cho các răng hàm không bị xô dịch. Được lưu giữ nhờ các khâu nắn chỉnh răng hoặc các chụp thép có sẵn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo: Gồm 1 cung dây thép có đường kính 0,9mm, cung dây thép phía sau nối với band gắn hai răng hàm lớn thứ nhất hàm trên và phía trước nối với phần nhựa áp sát vào niêm mạc vòm miệng</li> <li>- Chất liệu: Nhựa acrylic, thép không gỉ.</li> <li>+ Cung thép gắn liền với 2 khâu răng cố định trên răng hàm lớn hàm trên</li> <li>+ Phần nhựa nằm giữa, trên cung, tì vào khâu cái cứng vùng răng cửa trước.</li> <li>- Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh.</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul> | Gói | 19       |
| 50  | Cung thép cố định hàm                    | <p>Cung thép cố định hàm điều trị các chấn thương vùng hàm mặt</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: thép không gỉ</li> <li>- Gồm cung và dây kẽm để bẻ cong, theo hình dạng cung răng</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Bộ  | 120      |
| 51  | Đài cao su đánh bóng răng                | <p>Đài cao su đánh bóng răng trong điều trị nha chu, trám răng, phục hình</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: phần đầu bằng cao su, phần thân bằng thép không gỉ</li> <li>- Chiều dài: khoảng 2.5 → 3cm</li> <li>- Sử dụng 1 lần</li> <li>- Tương thích với tay khoan khuấy/thăng tốc độ chậm</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Cái | 1.382    |
| 52  | Đài đánh bóng răng bằng silicon          | <p>Đài đánh bóng răng bằng silicon dùng trong trám răng composite</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: phần đầu bằng silicone, phần thân bằng nhựa hoặc thép không gỉ</li> <li>- Hình dạng: đĩa, chóp...</li> <li>- Chiều dài: khoảng 2.5 → 3 cm</li> <li>- Quy cách đóng gói: ≥ 30 cái/hộp</li> <li>- Tương thích với tay khoan khuấy/thăng tốc độ chậm</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Hộp | 31       |

| STT | Tên danh mục                                                                       | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | ĐVT  | Số lượng |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------|
| 53  | Đai kim loại hỗ trợ tạo hình miềng trám răng                                       | Đai kim loại hỗ trợ tạo hình miềng trám răng<br>- Chất liệu: thép không gỉ<br>- Cấu tạo: đẹp, mỏng, dẻo, dễ uốn cong<br>- Độ dày: khoảng 0.1 → 0.15mm<br>- Quy cách: ≥ 12 cái<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                                                                                                                                                  | Hộp  | 1.000    |
| 54  | Dao làm sáp, các cỡ                                                                | Dao làm sáp, các cỡ dùng trong phục hình nha khoa<br>- Chất liệu: thép không gỉ<br>- Chiều dài: ≥ 145mm<br>- Đầu dao nhiều kích cỡ, 1 đầu hoặc 2 đầu, thẳng, cong, lòng máng, nhọn, tù...<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                                                                                                                                      | Cái  | 48       |
| 55  | Đầu bơm cao su lấy dấu loại nhẹ                                                    | Đầu bơm cao su lấy dấu loại nhẹ<br>- Chất liệu: nhựa<br>- Hình dạng: cong hình phễu<br>- Thân bơm dài từ 1.5 → 2cm<br>- Tương thích với súng bơm cao su cùng hãng<br>- Sử dụng 1 lần                                                                                                                                                                                                                                           | Cái  | 1.320    |
| 56  | Đầu tiếp nối để bơm cao su lấy dấu loại nhẹ                                        | Đầu tiếp nối để trộn và bơm cao su loại nhẹ<br>- Chất liệu: Nhựa<br>- Chiều dài: 4 → 5cm<br>- Cấu tạo: thẳng, hình trụ<br>- Sử dụng 1 lần                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Cái  | 1.020    |
| 57  | Dầu xịt tay khoan                                                                  | Dầu xịt tay khoan dùng để bôi trơn tay khoan giúp gia tăng tuổi thọ của vòng bi và tay khoan trong các thủ thuật, phẫu thuật nha khoa<br>- Chất liệu: Dầu bảo dưỡng sinh học, hạt mịn<br>- Thể tích: ≥ 400ml<br>- Chai dạng xịt kèm nắp xịt tương thích cho tất cả các tay khoan nha khoa chậm, nhanh, thẳng, khuỷu...<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) | Chai | 8        |
| 58  | Dây cung chỉnh nha hợp kim Niken-Titan, tròn, cung oval hàm trên/hàm dưới, các cỡ  | Dây cung chỉnh nha hợp kim Niken-Titan, tiết diện tròn, cung oval hàm trên/dưới, các cỡ dùng trong các thủ thuật chỉnh nha (niềng răng) cho giai đoạn tiền chỉnh nha<br>- Chất liệu: hợp kim Niken-Titan<br>- Tiết diện: tròn<br>- Hình dạng: cung oval: hàm trên, hàm dưới<br>- Đường kính: 0.12 → 0.18 inch<br>- Tương thích với mắc cài các loại                                                                            | Sợi  | 2.808    |
| 59  | Dây cung chỉnh nha hợp kim Niken-Titan, vuông, cung oval hàm trên/hàm dưới, các cỡ | Dây cung chỉnh nha hợp kim Niken-Titan, tiết diện vuông hàm trên/hàm dưới, các cỡ dùng trong các thủ thuật chỉnh nha, tham gia kiểm soát lực kéo sớm<br>- Chất liệu: Hợp kim Niken-Titan<br>- Tiết diện: vuông<br>- Hình dạng: cung oval, hàm trên và hàm dưới<br>- Kích cỡ: 0.16 x 0.16 inch → 0.19 x 0.25 inch<br>- Tương thích với mắc cài các loại                                                                         | Sợi  | 2.244    |
| 60  | Dây cung chỉnh nha thép không gỉ, tròn, cung oval hàm trên/hàm dưới, các cỡ        | Dây cung chỉnh nha chất liệu thép không gỉ, tiết diện tròn, cung oval hàm trên/hàm dưới dùng trong các thủ thuật chỉnh nha, áp dụng cho giai đoạn kết thúc<br>- Chất liệu: Thép không gỉ<br>- Tiết diện: tròn<br>- Hình dạng: cung oval hàm trên và hàm dưới<br>- Đường kính: 0.12 → 0.18 inch<br>- Tương thích với mắc cài các loại                                                                                           | Sợi  | 240      |

*Handwritten signature*



| STT | Tên danh mục                                      | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | ĐVT  | Số lượng |
|-----|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------|
| 61  | Dây SS vuông, cung oval hàm trên/hàm dưới, các cỡ | <p>Dây cung chỉnh nha chất liệu thép không gỉ, tiết diện vuông hàm trên/hàm dưới dùng trong các thủ thuật chỉnh nha, áp dụng cho giai đoạn kết thúc</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Thép không gỉ</li> <li>- Tiết diện: vuông</li> <li>- Hình dạng: cung oval hàm trên và hàm dưới</li> <li>- Kích cỡ: 0.16 x 0.16 inch → 0.19 x 0.25 inch</li> <li>- Tương thích với mắc cài các loại</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Sợi  | 3.744    |
| 62  | Dây thép buộc chỉnh nha (dạng sợi thẳng)          | <p>Dây thép buộc chỉnh nha cố định hàm, răng trong các thủ thuật chỉnh hình răng mọc lệch lạc, niềng răng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: thép không gỉ</li> <li>- Kích thước: đường kính khoảng 0.008 → 0.014 inch</li> <li>- Hình dạng: sợi thẳng, dễ bẻ cong, dễ cắt theo hình dạng cung răng</li> <li>- Quy cách đóng gói: ≥ 10 sợi/ống</li> <li>- Tương thích với khâu răng, cung chỉnh nha, mắc cài</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Sợi  | 500      |
| 63  | Dây thép buộc chỉnh nha (dạng cuộn)               | <p>Dây thép buộc chỉnh nha cố định hàm, răng trong các thủ thuật chỉnh hình răng mọc lệch lạc, niềng răng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: thép không gỉ</li> <li>- Kích thước: đường kính khoảng 0.009 inch (0.23mm) → 0.014 inch (0.36mm)</li> <li>- Trọng lượng: ≥ 500g</li> <li>- Hình dạng: dạng cuộn, dễ bẻ cong, dễ cắt theo hình dạng cung răng</li> <li>- Tương thích với khâu răng, cung chỉnh nha, mắc cài chỉnh nha</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Cuộn | 2        |
| 64  | Dây thép cố định hàm, thép không gỉ, các cỡ       | <p>Dây thép cố định hàm, thép không gỉ, các cỡ trong các chấn thương vùng hàm mặt</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: thép không gỉ</li> <li>- Dạng cuộn, dễ bẻ cong, dễ cắt theo hình dạng cung răng</li> <li>- Kích thước: đường kính khoảng 0.5mm</li> <li>- Chiều dài: ≥ 50m/cuộn</li> <li>- Tương thích với cung cố định hàm và dây cột</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Cuộn | 8        |
| 65  | Dây truyền dung dịch xịt rửa của máy nha khoa     | <p>Dây truyền dung dịch xịt rửa của máy nha khoa</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: nhựa, silicon</li> <li>- Gồm: chạc nối, bánh xe điều khiển lưu lượng, ống bơm silicon, van điều chỉnh, chốt hình chữ S</li> <li>- Tiết khuẩn, dùng 1 lần</li> <li>- Tương thích máy cấy ghép implant</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Cái  | 180      |
| 66  | Đệm hàm cứng                                      | <p>Đệm hàm cứng dùng lót bên trong hàm giả trong trường hợp hàm giả đang đeo bị lỏng không khớp với cung hàm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo: Từ lớp nền nhựa, cấu tạo như là nướu giả và cũng đảm nhận vai trò tương tự như nướu thật.</li> <li>- Chất liệu: Nhựa Acrylic GC</li> <li>- Kích thước: tùy theo kích thước hàm của người bệnh, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của Bác sĩ.</li> <li>- Yêu cầu khi sử dụng: Tạo nên lớp êm ái giữa hàm giả và nướu, giảm áp lực hàm giả tác động vào nướu, cải thiện độ dính và vừa khít giữa hàm giả và cung hàm, tạo cảm giác thoải mái, không vướng, không cộm, không gây tổn thương nướu và niêm mạc miệng, mùi dễ chịu, không phát sinh nhiệt.</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul> | Gói  | 10       |
| 67  | Đĩa đánh bóng composite                           | <p>Đĩa đánh bóng composite làm mịn, bóng miềng trám composite, lấy composite thừa sau trám, hoàn tất hình thể miềng trám kẽ giữa các răng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Nhôm Oxide</li> <li>- Kích thước: đường kính khoảng 0.5 → 0.7 inch</li> <li>- Yêu cầu: thô 1 mặt, trung bình 2 mặt, mịn 1 mặt, cực mịn 2 mặt</li> <li>- Độ mịn: Cực mịn, mịn, trung bình, thô (phân biệt bằng 4 mã màu tương đương)</li> <li>- Quy cách đóng gói: ≥ 30 cái/gói</li> <li>- Trục tương thích tay khoan thường tốc độ chậm.</li> <li>- Sử dụng 1 lần 1 cái</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                    | Gói  | 7        |

| STT | Tên danh mục                                                                     | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | ĐVT | Số lượng |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 68  | Dụng cụ banh môi má dùng trong chỉnh nha                                         | Dụng cụ banh môi, má dùng trong chỉnh nha sử dụng banh, giữ môi má, mở rộng miệng trong quá trình chỉnh nha.<br>- Chất liệu: Nhựa<br>- Kích thước: size S, M, L<br>- Quy cách đóng gói: $\geq 40$ cái/hộp<br>- Cấu tạo: Tay cầm hình phễu có khoảng mở co giãn tùy theo khuôn miệng, đầu banh miệng cong hình lòng máng, ôm trọn viền môi má, tránh trơn trượt và tổn thương môi má, niêm mạc                                                                                                                                                                                                                                           | Hộp | 1        |
| 69  | Dụng cụ banh dùng trong phẫu thuật, thủ thuật hàm mặt                            | Dụng cụ banh dùng trong phẫu thuật, thủ thuật hàm mặt sử dụng banh, giữ môi má mở rộng trong quá trình phẫu thuật thủ thuật vùng hàm mặt<br>- Chất liệu: Thép không gỉ và silicone<br>- Kích thước: khoảng 15 $\rightarrow$ 25cm<br>- Cấu tạo: Tay cầm gắn trực có răng cưa hoặc không, tạo khoảng mở cố định, đầu banh miệng cong hình phễu<br>- Lực cần lên đến 1400N<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                                                                                                                                                                 | Cây | 8        |
| 70  | Dụng cụ điều trị tủy lại D1, D2, D3 (Nong giữa)                                  | Dụng cụ điều trị tủy lại D1, D2, D3 dùng trong điều trị tủy trong các trường hợp đã điều trị tủy thất bại<br>- Chất liệu: Niken - Titan<br>- Chiều dài: D1: 16 $\rightarrow$ 17mm, D2: khoảng 18 $\rightarrow$ 19mm; D3: khoảng 22 $\rightarrow$ 23mm<br>- Quy cách đóng gói: $\geq 6$ cái/hộp<br>- Tương thích với máy nội nha cùng hãng<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                       | Hộp | 20       |
| 71  | Dụng cụ điều trị tủy (lấy côn)                                                   | Dụng cụ điều trị tủy lại dùng để lấy côn, tạo hình ống tủy trong các trường hợp đã điều trị tủy thất bại<br>- Chất liệu: hợp kim niti và thép không gỉ<br>- Kích cỡ: từ 1S đến 4N<br>Loại 1S: Đường kính: 0.7 $\rightarrow$ 0.8mm, dài 16 $\rightarrow$ 17mm<br>Loại 2S: Đường kính: 0.5 $\rightarrow$ 0.6mm, dài 18 $\rightarrow$ 19mm<br>Loại 3N: Đường kính: 0.4 $\rightarrow$ 0.5mm, dài 21 $\rightarrow$ 22mm<br>Loại 4N: Đường kính: 0.3 $\rightarrow$ 0.4mm, dài 21 $\rightarrow$ 22mm<br>- Độ thuận: khoảng 4 $\rightarrow$ 5%<br>- Quy cách đóng gói: $\geq 4$ cái/hộp<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) | Hộp | 28       |
| 72  | Dụng cụ đưa chất trám bít vào ống tủy                                            | Dụng cụ đưa chất trám bít vào ống tủy dùng để quay thuốc trám bít ống tủy trong điều trị nội nha, quay cement gắn chốt/cùi giả, cao su lỏng khi lấy dấu.<br>- Chất liệu: thép không gỉ<br>- Kích cỡ: 0.25mm $\rightarrow$ 0.40mm.<br>- Chiều dài: 21mm $\rightarrow$ 29mm<br>- Độ thuận khoảng 2%<br>- Hiện thị màu tương ứng từ số nhỏ nhất tới số lớn nhất, phù hợp với kích cỡ đa dạng của ống tủy<br>- Hình dạng: lò xo<br>- Quy cách đóng gói: $\geq 4$ cái/hộp<br><del>- Tương thích với tay khoan khuỷu/thăng tốc độ chậm</del>                                                                                                  | Hộp | 38       |
| 73  | Dụng cụ giúp kẹp giữ kim khâu trong quá trình phẫu thuật, thủ thuật vùng hàm mặt | Dụng cụ giúp kẹp giữ kim khâu trong quá trình phẫu thuật, thủ thuật vùng hàm mặt<br>- Chất liệu: Thép không gỉ<br>- Kích thước: từ 134mm $\rightarrow$ 135mm<br>- Cấu tạo: đầu kẹp thẳng, đầu bo tròn, có rãnh khía giúp giữ chắc kim khâu không trơn trượt<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Cái | 19       |
| 74  | Dụng cụ hỗ trợ trong chỉnh hình hàm mặt (face mask)                              | Dụng cụ hỗ trợ trong chỉnh hình hàm mặt<br>- Chất liệu:<br>+ Trục chính: bằng thép không gỉ<br>+ Hai giá đỡ: bằng nhựa cứng<br>+ Xà ngang: bằng thép không gỉ bọc ngoài nhựa cứng<br>- Cấu tạo: 01 bộ hình yên ngựa bao gồm trục chính giữa có độ dài tương ứng chiều dài khung mặt người bệnh; hai giá đỡ cho vùng trán và cằm với miếng dán bám dính; xà ngang giữ cân đối trên khuôn mặt                                                                                                                                                                                                                                             | Cái | 8        |

W



| STT | Tên danh mục                                                                        | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | ĐVT | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 75  | Dụng cụ lấy dấu trụ chân răng nhân tạo các cỡ                                       | <p>Dụng cụ lấy dấu trụ chân răng nhân tạo dùng sao chép vị trí cấy ghép từ trong miệng ra ngoài, cho quy trình phục hình mão răng trên implant (răng cấy ghép)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Hợp kim Titanium</li> <li>- Kích thước: Đường kính từ 3.0 → 5.5mm</li> <li>- Khay mở với chiều dài: từ 10 → 14mm</li> <li>- Khay đóng với chiều dài: từ 9 → 13mm</li> <li>- Cấu tạo: Kết nối hình nón lục giác</li> <li>- Tương thích với vật liệu cấy ghép chân răng cùng hãng</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul>                                                                                                                          | Cái | 60       |
| 76  | Dụng cụ lấy vôi răng trên và dưới nước dùng trong điều trị nha chu viêm             | <p>Dụng cụ lấy vôi răng trên và dưới nước dùng trong điều trị nha chu viêm bằng sóng siêu âm với nhiều cường độ khác nhau</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Thép không gỉ Titanium</li> <li>- Cấu tạo: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cán (tay cầm) kết nối tay máy của máy lấy vôi</li> <li>+ Thân có chiều dài từ 10 → 20cm</li> <li>+ Đầu lấy vôi kết nối đường dẫn nước. Hình dạng đầu lấy vôi nhiều hình dạng: cong, thẳng, dẹp, nhọn hoặc tù phù hợp cho lấy vôi trên và dưới nước</li> </ul> </li> <li>- Tương thích máy lấy vôi cùng hãng</li> <li>- Đóng gói: hộp/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul>                | Hộp | 48       |
| 77  | Dụng cụ nạy chân răng các loại                                                      | <p>Dụng cụ nạy chân răng các loại dùng để lấy chân răng trong các thủ thuật, phẫu thuật nhổ răng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: inox, thép không gỉ</li> <li>- Kích thước: dài từ 10 → 15cm</li> <li>- Cấu tạo: bao gồm tay cầm và đầu nạy</li> <li>+ Tay cầm hình trụ trơn một đầu, bề mặt nhám</li> <li>+ Đầu nạy nhiều hình dạng: lòng máng, nhọn, đặc, lưỡi hái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                    | Cây | 36       |
| 78  | Dụng cụ nội nha tạo hình và vệ sinh ống tủy lớn mặt cắt hình vuông, hình tam giác   | <p>Dụng cụ nội nha giúp tạo hình và vệ sinh ống tủy lớn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Thép không gỉ</li> <li>- Cấu tạo: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mặt cắt hình vuông, hình tam giác, nhiều gai sắc bén</li> <li>+ Cạnh cắt sắc và bề mặt phẳng mịn</li> <li>+ Lưỡi cắt mỏng kết hợp với động tác xoay và giữa theo hướng chớp ống tủy giúp thành ống tủy trơn láng</li> </ul> </li> <li>- Kích cỡ: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mặt cắt hình vuông: từ số 6 → số 40</li> <li>+ Mặt cắt hình tam giác: từ số 45 → số 140</li> </ul> </li> <li>- Chiều dài: từ 18 → 31mm</li> <li>- Độ trơn: khoảng 2 → 3%</li> <li>- Quy cách đóng gói: ≥ 6 cái/hộp</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul> | Hộp | 94       |
| 79  | Dụng cụ nội nha dùng để tạo hình và vệ sinh ống tủy nhỏ, hẹp, tắc, mặt cắt tam giác | <p>Dụng cụ nội nha dùng để tạo hình và vệ sinh ống tủy nhỏ, hẹp, tắc dùng nong bằng tay</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: thép không gỉ</li> <li>- Cấu tạo: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mặt cắt hình tam giác, nhiều gai sắc bén</li> <li>+ Cạnh cắt sắc và bề mặt phẳng mịn</li> <li>+ Lưỡi cắt mỏng kết hợp với động tác xoay và giữa theo hướng chớp ống tủy giúp thành ống tủy trơn láng</li> </ul> </li> <li>- Kích cỡ: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Độ trơn: từ 2 → 3%</li> <li>+ Chiều dài: từ 21 → 31mm</li> <li>+ Các cỡ: từ số 08 → số 80</li> </ul> </li> <li>- Quy cách đóng gói: ≥ 6 cái/vi</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)</li> </ul>                         | Vi  | 76       |

| STT | Tên danh mục                                                                  | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | ĐVT | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 80  | Dụng cụ nong giữa ống tủy bằng tay, mặt cắt tròn                              | Dụng cụ nong giữa ống tủy bằng tay dùng lấy tủy chân và tủy buồng<br>- Chất liệu: thép không gỉ<br>- Cấu tạo: mặt cắt hình giọt nước, nhiều gai, thuận<br>- Kích cỡ:<br>+ Độ thuận: từ 2 → 3%<br>+ Chiều dài: từ 18 → 25mm<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                         | Cái | 281      |
| 81  | Dụng cụ nong giữa ống tủy bằng tay, mặt cắt vuông                             | Dụng cụ nong giữa ống tủy bằng tay dùng để tạo hình và kết thúc tạo hình trong điều trị nội nha<br>- Chất liệu: Niken titan<br>- Cấu tạo: mặt cắt hình vuông, nhiều gai, thuận<br>- Tay cầm bằng cao su mềm<br>- Kích cỡ<br>+ Chiều dài: từ 19 → 25mm<br>+ Độ thuận biến đổi theo chiều dài tương đương loại SX, S1, S2, S3, F1, F2, F3.<br>- Quy cách đóng gói: ≥ 6 cái/vi<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)                                                                                        | Vi  | 156      |
| 82  | Dụng cụ nong giữa ống tủy bằng máy, mặt cắt hình xoắn ốc, chiều dài 19→25mm   | Dụng cụ nong giữa ống tủy dùng để làm sạch, nong dũa, tạo hình và kết thúc tạo hình ống tủy trong điều trị nội nha bằng máy<br>- Chất liệu: thép không gỉ<br>- Cấu tạo: Mặt cắt hình xoắn ốc, thuận, dẽo<br>- Kích cỡ:<br>+ Kích thước trầm giai đoạn tạo hình: cỡ SX, S1, S2<br>+ Kích thước trầm giai đoạn kết thúc: cỡ F1, F2, F3<br>+ Chiều dài: từ 19 → 25mm<br>+ Góc cắt: từ 10 → 12 độ<br>- Quy cách đóng gói: ≥ 6 cái/vi<br>- Tương thích máy điều trị tủy<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) | Vi  | 103      |
| 83  | Dung dịch sát trùng ống tủy                                                   | Dung dịch bơm rửa sát khuẩn ống tủy được sử dụng trong quá trình điều trị nội nha<br>- Dạng nước hoặc gel<br>- Thành phần: Citric Acid (≥ 40%) .<br>- Trọng lượng: ≥ 200g<br>- Tiêu chuẩn: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Lọ  | 8        |
| 84  | Gel tê bôi bề mặt niêm mạc miệng                                              | Gel làm tê bề mặt niêm mạc miệng<br>- Thành phần: 20-30% benzocaine, sodium saccharin và chất tạo vị<br>- Trọng lượng: 29 → 30g<br>- Dùng cho cả trẻ em và người lớn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Lọ  | 19       |
| 85  | Giấy kiểm tra khớp cắn                                                        | Giấy cắn ghi lại tình trạng khớp cắn của các răng<br>- Chất liệu: giấy, nhiều màu: xanh, xanh đen, đỏ<br>- Độ dày: > 100µm<br>- Yêu cầu: Các dấu cắn được ghi lại chính xác nhờ các chất chuyển màu trong giấy cắn được lưu giữ lại trên răng khi thử khớp<br>- Tiêu chuẩn: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                    | Xấp | 2.400    |
| 86  | Hàm (máng, cung) duy trì sử dụng cho thủ thuật làm lại khí cụ duy trì kết quả | Hàm duy trì (khí cụ duy trì kết quả) có tác dụng đảm bảo sự ổn định tại vị trí mới của răng, tránh bị xô lệch và trở về vị trí ban đầu.<br>- Chất liệu: Thép không gỉ, Nhựa biocyl<br>- Kích thước: tùy theo kích thước hàm của người bệnh<br>- Hỗ trợ kỹ thuật viên khi bác sĩ yêu cầu có yêu cầu.<br>- Yêu cầu khi sử dụng: không kích ứng niêm mạc miệng, dễ dàng chỉnh sửa theo nhu cầu điều trị.<br>- Đóng gói: gói/1 cái<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                             | Gói | 11       |

Handwritten signature or mark.



| STT | Tên danh mục                                                                  | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | ĐVT | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 87  | Hàm giả 3D trong phẫu thuật chỉnh hình hàm mặt                                | Hàm giả 3D trong phẫu thuật chỉnh hình hàm mặt là mẫu hàm giả tương ứng phiên bản từ khuôn hàm người bệnh được tạo từ kết quả phim chụp cắt lớp vùng hàm mặt<br>- Chất liệu: nhựa acrylic<br>- Cấu tạo: đúc liền 1 khối, khối hàm trên hoặc khối hàm dưới, hoặc cả 2 hàm<br>- Kích thước: tùy theo kích thước hàm của người bệnh<br>- Hỗ trợ kỹ thuật viên khi Bác Sĩ có yêu cầu.<br>- Yêu cầu khi sử dụng: chính xác, dễ dàng chỉnh sửa theo nhu cầu điều trị.<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                          | Cái | 11       |
| 88  | Hàm khung kim loại                                                            | Hàm khung kim loại Là hàm khung tháo lắp, dùng cho bệnh nhân mất răng riêng lẻ được dùng giống như một giá đỡ kết nối các răng mất với nhau tạo thành hệ thống răng giả tháo lắp<br>- Cấu tạo: Nền hàm với các móc tựa lên trên mặt nhai của răng thật và vòng cung bằng kim loại.<br>- Chất liệu: Hợp kim Crome - Cobalt<br>- Kích thước: tùy theo kích thước hàm của người bệnh<br>- Đóng gói: gói/1 cái<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                               | Gói | 96       |
| 89  | Hàm khung liên kết                                                            | Hàm khung liên kết là hàm khung tháo lắp, dùng cho bệnh nhân mất quá nhiều răng, được dùng giống như một giá đỡ kết nối các răng mất với nhau tạo thành hệ thống răng giả tháo lắp.<br>- Cấu tạo: Nền hàm với các móc tựa lên trên mặt nhai của răng thật và vòng cung.<br>- Chất liệu: Titanium, Chrome Cobalt<br>- Kích thước: tùy theo kích thước hàm của người bệnh<br>- Đóng gói: gói/1 cái<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                         | Gói | 5        |
| 90  | Thân trụ răng cấy ghép cho nhiều đơn vị kết nối lực giác dạng nghiêng 17°/30° | Thân trụ răng cấy ghép cho nhiều đơn vị kết nối lực giác dạng nghiêng khoảng 17°/30° dùng trong những trường hợp phục hình răng nhiều đơn vị hướng nghiêng khoảng 17°/30°, phục hình bất vít<br>- Chất liệu: Hợp kim Titanium<br>- Kích thước: đường kính: từ 3.5 → 5.5mm, chiều cao nướu: từ 1.5 → 4.5mm<br>- Cấu tạo: bất vít phục hình dạng nghiêng khoảng 17°/30°, kết nối hình nón lực giác<br>- Tiệt khuẩn<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) | Cái | 50       |
| 91  | Hàm khung titan                                                               | Hàm khung titan là hàm khung tháo lắp, dùng cho bệnh nhân mất răng riêng lẻ, được dùng giống như một giá đỡ kết nối các răng mất với nhau tạo thành hệ thống răng giả tháo lắp.<br>- Cấu tạo: Nền hàm với các móc tựa lên trên mặt nhai của răng thật và vòng cung.<br>- Chất liệu: Titan (trong đó Titanium chứa 4-6%).<br>- Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh<br>- Đóng gói: gói/1 cái<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                | Gói | 10       |
| 92  | Tay khoan khuỷu/thăng tốc độ chậm                                             | Tay khoan khuỷu/thăng dùng để gắn mũi khoan các loại trong các thủ thuật, phẫu thuật nha khoa<br>- Chất liệu: thép<br>- Cấu tạo: cán thẳng hoặc khuỷu. Đầu làm việc thẳng hoặc cong<br>- Kích thước: đường kính vỏ ngoài ≥ 18 mm<br>- Tốc độ chậm: tối đa 40.000 vòng/phút<br>- Hệ thống khóa giữ mũi khoan loại bấm (đối với tay khuỷu)/khóa giữ mũi khoan loại xoay (đối với tay thẳng).<br>- Tương thích với mũi khoan tốc độ chậm<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)                            | Cái | 47       |

| STT | Tên danh mục                     | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | ĐVT | Số lượng |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 93  | Hàm nhựa dẻo, loại 1/2 hàm       | Hàm nhựa dẻo giúp nâng đỡ răng giả được làm bằng sứ hoặc răng nhựa trong trường hợp bị mất 1 răng, mất nhiều răng, mất răng xen kẽ hoặc toàn bộ răng bị mất trên cung hàm.<br>- Cấu tạo: Gồm Nướu và Răng giả được ép cố định tạo nên một thể thống nhất.<br>- Chất liệu: Nhựa dẻo valplast.<br>- Phạm vi: 1/2 hàm (hàm trên hoặc hàm dưới)<br>- Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh<br>- Yêu cầu khi sử dụng: Vừa khít với răng mất trên miệng người bệnh, tạo cảm giác thoải mái, không vướng, không cộm, không gây tổn thương nướu và niêm mạc miệng<br>- Đóng gói: gói/1 cái<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO | Gói | 5        |
| 94  | Hàm nhựa dẻo, toàn hàm           | Hàm nhựa dẻo giúp nâng đỡ răng giả được làm bằng sứ hoặc răng nhựa trong trường hợp bị mất 1 răng, mất nhiều răng, mất răng xen kẽ hoặc toàn bộ răng bị mất trên cung hàm.<br>- Cấu tạo: Gồm Nướu và Răng giả được ép cố định tạo nên một thể thống nhất.<br>- Chất liệu: Nhựa dẻo valplast.<br>- Phạm vi: Toàn hàm (cả hàm trên hoặc hàm dưới)<br>- Kích thước: tùy theo kích thước hàm của người bệnh<br>- Đóng gói: gói/1 cái<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                                                                                                | Gói | 8        |
| 95  | Hộp đựng khay tẩy trắng          | Hộp đựng máng nha khoa, hàm duy trì, khay tẩy trắng<br>- Chất liệu: nhựa<br>- Hình dạng: hình bán nguyệt<br>- Kích thước: nhiều kích cỡ phù hợp cho loại 1 hàm hoặc 2 hàm (dài x rộng x cao) khoảng: (75-80) x 70 x (25-30)mm; 85 x 80 x 30mm; 85 x (80-83) x (25-30)mm; ...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Cái | 372      |
| 96  | Kềm cắt dây cứng trong chỉnh nha | Kềm cắt dây cứng trong thủ thuật, phẫu thuật chỉnh nha<br>- Chất liệu: thép không gỉ<br>- Chiều dài: $\geq 125\text{mm}$<br>- Góc gấp: khoảng $45 \pm 5^\circ$<br>- Cấu tạo: đầu cắt tù hình bán nguyệt, lưỡi cắt sắc bén, cắt dây chỉnh nha loại cứng có đường kính $\geq 0.41 \times 0.55\text{mm}/0.016" \times 0.021"$<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                                                                                                                                                                                                      | Cây | 4        |
| 97  | Kềm cắt dây mảnh trong chỉnh nha | Kềm cắt dây mảnh trong thủ thuật, phẫu thuật chỉnh nha<br>- Chất liệu: thép không gỉ<br>- Chiều dài: $\geq 120\text{mm}$<br>- Cấu tạo: đầu thẳng nhọn, lưỡi sắc bén, có thể cắt dây có đường kính $\geq 0.3\text{mm} / 0.012"$<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Cây | 4        |
| 98  | Kềm cắt xương nha khoa           | Kềm cắt xương nha khoa giúp lấy bớt phần xương dư, làm nhẵn các gờ xương trong quá trình phẫu thuật, thủ thuật vùng hàm mặt như tạo hình xương ổ, tạo hình xương hàm, lấy mô mềm lớn<br>- Chất liệu: thép không gỉ, Carbide Tungstene<br>- Kích thước: $\geq 152\text{mm}$<br>- Đầu kềm cong: từ $25 \rightarrow 40^\circ$<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                                                                                                                                                                                                      | Cây | 6        |
| 99  | Kềm đa năng nha khoa             | Kềm đa năng dùng trong chỉnh nha (niềng răng)<br>- Chất liệu: Thép không gỉ<br>- Chiều dài: từ $12 \rightarrow 15\text{cm}$<br>- Đầu kềm có nhiều hình dạng: nhọn, dài, tròn, dẹp, lục giác..<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Cây | 4        |
| 100 | Kềm nhổ răng các loại            | Kềm nhổ răng các loại dùng nhổ răng, chân răng hư, phần xương dư, trong các phẫu thuật thủ thuật nhổ răng<br>- Chất liệu: Thép không gỉ<br>- Kích thước: dài từ $20 \rightarrow 25\text{cm}$<br>- Đầu kềm (kim) tròn, nhọn, cong với nhiều hình dạng phù hợp với chỉ định nhổ từng loại răng khác nhau<br>- Tay cầm bề mặt nhám<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                                                                                                                                                                                                 | Cây | 10       |

mo



| STT | Tên danh mục                           | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | ĐVT | Số lượng |
|-----|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 101 | Kềm tháo khâu trong chỉnh nha          | Kềm tháo khâu dùng tháo khâu răng ra khỏi răng trong các thủ thuật chỉnh nha<br>- Chất liệu: Thép không gỉ<br>- Chiều dài: từ 12 → 18cm<br>- Đầu kềm có gờ cạnh giữ và kéo khâu, có miếng đệm rìa cắn tạo lực đẩy khâu răng rời khỏi răng<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Cây | 4        |
| 102 | Kéo cắt phẫu thuật cong, thẳng các cơ  | Kéo cắt phẫu thuật cong, thẳng các cơ dùng phẫu thuật thủ thuật vùng hàm mặt<br>- Chất liệu: thép không gỉ, hợp kim carbide Tungstene<br>- Kích thước: từ 8 → 15cm<br>- Đầu nhọn, mảnh<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Cây | 37       |
| 103 | Keo dán hàm                            | Keo dán hàm giúp hỗ trợ cố định hàm giả tháo lắp không bị lỏng và rớt khỏi hàm, lưu giữ răng giả vững chắc tại chỗ, ngăn ngừa đau nhức nướu<br>- Thành phần: Calcium/Zinc PVM/MA, dầu khoáng, cellulose gum, silica,...<br>- Dạng gel<br>- Trọng lượng: > 65g<br>- Bám dính tối thiểu 1 ngày<br>- Sử dụng 1 lần                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Hộp | 74       |
| 104 | Keo quang trùng hợp trám Composite     | Keo quang trùng hợp trám Composite là chất kết dính cho ngà và men răng giúp vật liệu trám có thể thẩm xuyên qua các sợi collagen và ống ngà, đồng thời giữ ẩm bề mặt ngà răng<br>- Sử dụng trên cả bề mặt khô hoặc ẩm ướt<br>- Thành phần: Glycero Phosphate Di Methacrylate và hệ thống dung môi 3 thành phần (Water - Acetone - Ethanol)<br>- Dạng gel lỏng, màu trong, không mùi, có khả năng hòa tan<br>- Thể tích: ≥ 5ml<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)                                                                                                                         | Hộp | 68       |
| 105 | Tay khoan tốc độ nhanh 4 lỗ, không đèn | Tay khoan tốc độ nhanh 4 lỗ, không đèn dùng để gắn mũi khoan các loại trong các thủ thuật, phẫu thuật nha khoa<br>- Chất liệu: Thép<br>- Kích thước: đường kính đầu tay khoan khoảng 12 → 13mm<br>- Cấu tạo: Đầu tiếp xúc với dây hơi của máy nha khoa cấu tạo 04 lỗ. Một tia phun sương. Không đèn<br>- Tốc độ nhanh: tối đa 330.000 vòng/phút<br>- Công suất: tối đa 18W<br>- Đầu tay khoan vệ sinh chống hút ngược<br>- Lọc nước đầu vào tay khoan hạn chế nghẹt nước<br>- Độ ồn: khoảng 62dB (A)<br>- Tương thích với mũi khoan kim cương các loại<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) | Cái | 26       |
| 106 | Khâu răng các cơ trong chỉnh nha       | Khâu răng các cơ là vật liệu cố định dùng để nắn, chỉnh, giữ, kéo các răng được sử dụng trong chỉnh nha.<br>- Chất liệu: Thép không gỉ<br>- Kích thước: phù hợp với mỗi loại răng<br>- Có chốt để kết nối với dây cung chỉnh nha các loại<br>- Trên khâu có khắc ký hiệu chữ và số tương đương thứ tự răng trên cung hàm<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                               | Cái | 864      |
| 107 | Khay cá nhân                           | Khay cá nhân hỗ trợ lấy dấu chính xác nhất đối với nền hàm giả.<br>- Chất liệu: Nhựa tự cứng, nhựa quang trùng hợp<br>- Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh<br>- Yêu cầu khi sử dụng: phải vừa khít với hàm được lấy dấu trên miệng người bệnh.<br>- Đóng gói: gói/1 cái<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Gói | 82       |

| STT | Tên danh mục                                                                 | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | ĐVT | Số lượng |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 108 | Khay lấy dấu các cỡ                                                          | <p>Khay lấy dấu dùng trong kỹ thuật lấy dấu từ miệng người bệnh trong phục hình răng, nghiên cứu, chỉnh hình hàm mặt</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: thép không gỉ hoặc inox</li> <li>- Kích thước: cỡ S, M, L, XL tương ứng cho hàm trên và hàm dưới</li> <li>- Khay hình yên ngựa, đục nhiều lỗ</li> <li>- Tay cầm: dài khoảng 3 → 6cm</li> <li>- Yêu cầu: hình thể đa dạng cho các tình trạng răng còn lại trên cung hàm: lấy dấu một phần răng, lấy dấu cho mất răng toàn bộ, cho răng trẻ em....</li> </ul>                                                                                                                                                                                            | Cái | 120      |
| 109 | Khí cụ chỉnh hình tháo lắp phức tạp, 2 hàm, đưa hàm dưới ra trước            | <p>Khí cụ chỉnh nha sử dụng cho thủ thuật chỉnh hình tháo lắp phức tạp, 2 hàm, tác động đưa hàm dưới ra trước nhằm kéo dài xương hàm dưới</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo: Đúc liền 1 khối, khối hàm trên và khối hàm dưới liền nhau, tương thích với mẫu hàm lấy từ miệng người bệnh</li> <li>- Chất liệu: Nhựa Acrylic</li> <li>- Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ.</li> <li>- Hỗ trợ kỹ thuật viên khi Bệnh viện có yêu cầu.</li> <li>- Yêu cầu khi sử dụng: Không kích ứng trong môi trường miệng, dễ dàng chỉnh sửa theo nhu cầu điều trị.</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul> | Gói | 5        |
| 110 | Khí cụ chỉnh hình tháo lắp phức tạp, 2 hàm, đưa hàm dưới ra sau              | <p>Khí cụ chỉnh nha sử dụng trong thủ thuật chỉnh hình tháo lắp phức tạp, 2 hàm tác động đưa hàm dưới ra sau điều trị các trường hợp hô hàm dưới</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: nhựa acrylic</li> <li>- Cấu tạo: đúc liền 1 khối, khối hàm trên và khối hàm dưới liền nhau, tương thích với mẫu hàm lấy từ miệng người bệnh</li> <li>- Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh</li> <li>- Hỗ trợ kỹ thuật viên khi Bác Sĩ có yêu cầu.</li> <li>- Yêu cầu khi sử dụng: Không kích ứng trong môi trường miệng, dễ dàng chỉnh sửa theo nhu cầu điều trị</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                            | Gói | 5        |
| 111 | Khí cụ cố định mở rộng cung hàm (4 lò xo)                                    | <p>Khí cụ cố định dùng chỉnh nha, có tác dụng kích thích sự phát triển của cung hàm (4 lò xo), điều chỉnh cung hàm phát triển sao cho cân đối với tổng thể khuôn mặt người bệnh</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: thép không gỉ</li> <li>- Cấu tạo: gồm một khối gắn cố định vào mặt trong răng hàm trên</li> <li>- Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh</li> <li>- Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ để hoàn thiện sản phẩm.</li> <li>- Yêu cầu khi sử dụng: Không kích ứng niêm mạc miệng, dễ chỉnh sửa theo mỗi khuôn hàm theo nhu cầu điều trị.</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                      | Gói | 28       |
| 112 | Khí cụ chỉnh nha nắn chỉnh răng cắn ngược, móm (2 cung môi và cung khẩu cái) | <p>Khí cụ chỉnh nha dùng nắn chỉnh răng cắn ngược, móm (2 cung môi và cung khẩu cái)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Nhựa Acrylic, Thép không gỉ</li> <li>- Cấu tạo: gồm một khối gắn cố định vào hàm trên</li> <li>- Kích thước: tùy theo kích thước hàm của người bệnh</li> <li>- Hỗ trợ kỹ thuật viên khi bác sĩ có yêu cầu.</li> <li>- Yêu cầu khi sử dụng: Không kích ứng trong môi trường miệng, dễ dàng chỉnh sửa theo nhu cầu điều trị.</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                                                                                                                                             | Gói | 5        |

Wood



| STT | Tên danh mục                                                                              | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | ĐVT | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 113 | Khí cụ chỉnh nha lò xo hoặc móc sử dụng cho thủ thuật chỉnh hình tháo lắp phức tạp, 1 hàm | <p>Khí cụ chỉnh nha lò xo hoặc móc sử dụng cho thủ thuật chỉnh hình tháo lắp phức tạp, 1 hàm dùng trong trường hợp răng khôn bị nhỏ, giúp duy trì và tránh tái phát khe hở giữa các răng còn lại do nhỏ răng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu:</li> <li>+ Móc hàm: Thép không gỉ</li> <li>+ Cung môi: Nhựa tích hợp.</li> <li>- Kích thước: tùy theo kích thước hàm của người bệnh</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Gói | 108      |
| 114 | Khí cụ nong nhanh tạo khoảng cho cung răng                                                | <p>Khí cụ nong nhanh tạo khoảng cho cung răng là một khí cụ nong cổ định hoặc tháo lắp, dùng để nong xương khẩu cái và nong răng tạo thêm khoảng cho cung răng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: thép không gỉ</li> <li>- Kích thước: tùy theo kích thước hàm của người bệnh</li> <li>- Hỗ trợ kỹ thuật khi bác sĩ có yêu cầu</li> <li>- Yêu cầu khi sử dụng: Các bộ phận ren hoàn toàn trơn nhẵn, cứng chắc, ma sát tốt và ngăn cản bất cứ sự quay ngược lại không mong muốn nào của hàm, không kích ứng trong môi trường miệng, dễ dàng chỉnh sửa theo nhu cầu điều trị.</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                                                                                       | Gói | 150      |
| 115 | Khí cụ chỉnh hình tháo lắp phức tạp, 2 hàm                                                | <p>Khí cụ chỉnh hình tháo lắp phức tạp, 2 hàm, tác động đưa hàm dưới ra trước điều trị các trường hợp lùi cằm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: nhựa acrylic</li> <li>- Cấu tạo: đúc rời 2 khối, khối hàm trên tách rời khối hàm dưới</li> <li>- Kích thước: tùy theo kích thước hàm của người bệnh</li> <li>- Hỗ trợ kỹ thuật viên khi bác sĩ có yêu cầu.</li> <li>- Yêu cầu khi sử dụng: không kích ứng trong môi trường miệng, dễ dàng chỉnh sửa theo nhu cầu điều trị</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                        | Gói | 5        |
| 116 | Khung sườn titan nguyên khối có cùi răng trên 1 trụ implant (cắt bằng máy)                | <p>Khung sườn titan cad/cam có cùi răng trên 1 trụ implant tiếp theo có công dụng kết nối và chịu lực như một giá đỡ tiếp nối giữa vật liệu cấy ghép implant và phục hình răng bên trên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo: Được đúc tiếp nối với khung sườn Hybrid Pure Titanium Cad/Cam trên 1 trụ Implant tiếp theo.</li> <li>- Chất liệu: Titanium nguyên khối.</li> <li>- Kích thước: Chiều dài tùy theo mẫu lấy dấu từ miệng người bệnh</li> <li>- Hỗ trợ kỹ thuật khi Bác Sĩ có yêu cầu</li> <li>- Yêu cầu khi sử dụng: Không gây kích ứng trong môi trường miệng, dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                                                                                | Cái | 36       |
| 117 | Răng sứ titan                                                                             | <p>Răng sứ titan dùng để thay thế cho răng thật hoặc phục hình răng hư tổn và thực hiện chức năng ăn nhai</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo: gồm khung sườn và lớp sứ men phủ bên ngoài</li> <li>- Chất liệu:</li> <li>- Khung sườn: Hợp kim Crome - Cobalt - Titan (trong đó Titanium có chứa 4-6%).</li> <li>+ Lớp sứ thẩm mỹ phủ ngoài: Bột sứ E-max, Noritake.</li> <li>- Kích thước: phù hợp với kích thước và vị trí răng của người bệnh</li> <li>- Bảo hành tối thiểu 05 năm.</li> <li>- Hỗ trợ kỹ thuật viên khi Bác Sĩ có yêu cầu.</li> <li>- Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng.</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul> | Gói | 540      |

| STT | Tên danh mục                                              | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | ĐVT | Số lượng |
|-----|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 118 | Kim gây tê nha khoa 27G                                   | <p>Kim gây tê nha khoa loại 27G</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mũi kim 2 diện cắt, có hình dạng tam giác nhọn, sắc bén</li> <li>- Đầu kim vát nhọn, bén, phù hợp vùng gây tê, mềm, dễ uốn cong</li> <li>- Nhiều size: Mỗi size có màu khác nhau để dễ dàng phân biệt</li> <li>- Chiều dài: 12mm → 25mm</li> <li>- Đường kính: &gt; 0.4mm</li> <li>- Quy cách đóng gói: ≥ 100 cái/hộp</li> <li>- Tiệt khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                        | Hộp | 78       |
| 119 | Lò xo kéo răng để đóng khoảng trống trên cung hàm, các cỡ | <p>Lò xo kéo răng để đóng khoảng trống trên cung hàm giữa các răng trong nắn chỉnh răng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: thép không gỉ</li> <li>- Đường kính lò xo: 0.10 x 0.30 inch</li> <li>- Chiều dài: 9 → 15mm</li> <li>- Lực kéo: khoảng 100 → 250 gram</li> <li>- Cấu tạo: hai đầu hình tròn dẹp, một đầu to, một đầu nhỏ, lò xo nằm giữa</li> <li>- Quy cách đóng gói: ≥ 10 cái/gói</li> <li>- Tương thích với dây chỉnh nha các cỡ</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                    | Cái | 24       |
| 120 | Lò xo kéo răng để tạo khoảng trống trên cung hàm, các cỡ  | <p>Lò xo kéo răng các cỡ tạo khoảng trống trên cung hàm, sắp đều các răng trong thủ thuật chỉnh nha</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: thép không gỉ</li> <li>- Kích thước khi nén: từ 25 → 19mm</li> <li>- Trọng lượng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Loại nhẹ khoảng 100g/tiết diện tương đương 0.76mm;</li> <li>+ Loại trung bình khoảng 200g/tiết diện tương đương 0.76mm;</li> <li>+ Loại mạnh khoảng 275g/tiết diện tương đương 0.84mm</li> </ul> </li> <li>- Cấu tạo: Hai đầu hình tròn dẹp, một đầu to, một đầu nhỏ, lò xo nằm giữa</li> <li>- Quy cách đóng gói: ≥ 3 sợi/ống</li> <li>- Tương thích với dây chỉnh nha các cỡ</li> </ul>                                                                 | Sợi | 72       |
| 121 | Lưới hàm giả                                              | <p>Lưới hàm nằm bên trong hàm giả tháo lắp, tăng cường độ cứng, bền của hàm, hạn chế gãy</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: thép không gỉ</li> <li>- Kích thước: tùy theo kích thước hàm của người bệnh</li> <li>- Hỗ trợ kỹ thuật viên khi Bác sĩ có yêu cầu.</li> <li>- Yêu cầu khi sử dụng: Phải nằm ẩn hoàn toàn trong nền hàm, không ảnh hưởng trong quá trình điều chỉnh khớp cắn của hàm giả, không gây kích ứng trong miệng.</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                                                                                                                                                                        | Gói | 5        |
| 122 | Mắc cài đơn                                               | <p>Mắc cài đơn liên kết giữa hàm khung và răng giả trên khung, tạo sự cố định, bền chắc của hàm răng giả</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: kim loại không gỉ</li> <li>- Sắp xếp đơn lẻ, phù hợp hình thể của mỗi răng</li> <li>- Cấu tạo: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có chỉ thị màu phân biệt từng mắc cài và có đánh số tương đương với vị trí từng răng</li> <li>+ Mặt lưng có rãnh lưới, cạnh bo tròn</li> <li>+ Trên mắc cài có các đường giữa, có cánh sâu để buộc thun hoặc cột dây</li> </ul> </li> <li>- Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh</li> <li>- Tương thích với các dây cung, dây thun các cỡ</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul> | Gói | 11       |

204



| STT | Tên danh mục                                                               | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | ĐVT | Số lượng |
|-----|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 123 | Mắc cài kim loại dành cho răng nanh và răng hàm                            | <p>Mắc cài kim loại dùng nắn chỉnh răng, dành cho răng nanh và răng hàm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ký hiệu từng răng được mã hóa bằng số la mã, đánh dấu màu phân biệt vị trí mỗi mắc cài trên bộ mắc cài</li> <li>- Chất liệu: kim loại thường</li> <li>- Cấu tạo: Có đường khía dọc trên mỗi mắc cài, hỗ trợ cho việc đặt dễ khung chính xác, chống ăn mòn.</li> <li>- Quy cách đóng gói: <math>\geq 20</math> cái/bộ</li> <li>- Tương thích với các dây cung, dây thun các loại</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE</li> </ul>                                                                                                                                                                 | Bộ  | 56       |
| 124 | Răng nhựa Composite 3 lớp                                                  | <p>Răng nhựa dành riêng cho phục hình tháo lắp, khôi phục hàm răng cho người cao tuổi hoặc trường hợp mất từ 1 răng trở lên hoặc mất răng toàn hàm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Nhựa Composite 3 lớp tương đương nhựa nha khoa chuyên dụng Justy (Mỹ).</li> <li>- Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ.</li> <li>- Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: Màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng.</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                                     | Gói | 3.000    |
| 125 | Mắc cài kim loại tự buộc                                                   | <p>Mắc cài kim loại tự buộc là vật liệu nắn chỉnh răng, dành cho thủ thuật chỉnh nha (dành cho khớp cắn lệch lệch thông thường)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: thép không gỉ</li> <li>- Cấu tạo: dạng cánh có hình thoi, hệ thống mã màu để phân biệt từng vùng hàm, bề mặt cong mượt</li> <li>- Quy cách đóng gói: <math>\geq 20</math> cái/bộ</li> <li>- Tương thích với các dây cung, dây thun các loại</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                              | Bộ  | 56       |
| 126 | Khung sườn titan nguyên khối có cùi răng trên 4 trụ implant (cắt bằng máy) | <p>Khung sườn Titan cad/cam có cùi răng trên 4 trụ implant có công dụng kết nối và chịu lực như một giá đỡ tiếp nối giữa vật liệu cấy ghép implant và phục hình răng bên trên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo: Được đúc tiếp nối với khung sườn Hybrid Pure Titanium Cad/Cam trên 4 trụ Implant.</li> <li>- Chất liệu: Titanium nguyên khối.</li> <li>- Kích thước: Chiều dài tùy theo mẫu lấy dấu từ miệng người bệnh, phù hợp với vị trí và kích thước răng của người bệnh.</li> <li>- Hỗ trợ kỹ thuật khi Bác Sĩ có yêu cầu</li> <li>- Yêu cầu khi sử dụng: Không gây kích ứng trong môi trường miệng; dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul> | Cái | 8        |
| 127 | Màng bao phủ cấy ghép tái tạo xương hư tổn, 15 x 20mm                      | <p>Màng bao phủ cấy ghép tái tạo xương hư tổn dùng trong thủ thuật cấy ghép implant (chân răng nhân tạo)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Collagen loại I.</li> <li>- Kích thước: 15 x 20mm</li> <li>- Kích thước lỗ: khoảng <math>&lt; 0.01\mu\text{m}</math></li> <li>- Lực kéo căng: <math>\leq 210\text{g}</math> và <math>\geq 360\text{g}</math></li> <li>- Thời gian tiêu chậm nhất 6 tháng</li> <li>- Tiệt khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                  | Cái | 156      |
| 128 | Màng bao phủ cấy ghép tái tạo xương hư tổn, 20 x 30mm                      | <p>Màng bao phủ cấy ghép tái tạo xương hư tổn dùng trong thủ thuật cấy ghép implant (chân răng nhân tạo)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Collagen loại I.</li> <li>- Kích thước: 20 x 30mm</li> <li>- Kích thước lỗ khoảng <math>&lt; 0.01\mu\text{m}</math></li> <li>- Lực kéo căng: <math>\leq 210\text{g}</math> và <math>\geq 360\text{g}</math></li> <li>- Thời gian tiêu chậm nhất được 6 tháng</li> <li>- Tiệt khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)</li> </ul>                                                                                                                                                                                              | Cái | 12       |

| STT | Tên danh mục                                          | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | ĐVT | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 129 | Màng bao phủ cấy ghép tái tạo xương hư tổn, 30 x 40mm | Màng bao phủ cấy ghép tái tạo xương hư tổn dùng trong thủ thuật cấy ghép implant (chân răng nhân tạo)<br>- Chất liệu: Collagen loại I.<br>- Kích thước: 30 x 40mm<br>- Kích thước lỗ khoảng < 0.01µm<br>- Lực kéo căng: ≤ 210g và ≥ 360g<br>- Thời gian tiêu chậm nhất được 6 tháng<br>- Tiệt khuẩn<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)                                                                                                                                             | Cái | 12       |
| 130 | Máng chỉnh nha mức độ dễ, 1 hàm                       | Máng chỉnh nha mức độ dễ, 1 hàm dùng sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc < 3mm, thừa kẽ < 3mm, răng lệch lạc về vị trí đã được tính toán tự động bằng kế hoạch được thiết lập trên hệ thống chụp hình 3D, không thay đổi với tương quan khớp cắn.<br>- Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt<br>- Phạm vi thực hiện: 1 hàm<br>- Kích thước: bề dày từ 0.5 → 0.7mm<br>- Đóng gói 15 khay/gói<br>- Thời gian chỉnh nha: từ 9 → 18 tháng<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)         | Gói | 28       |
| 131 | Máng chỉnh nha mức độ dễ, 2 hàm                       | Máng chỉnh nha mức độ dễ, 2 hàm dùng sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc < 3mm, thừa kẽ < 3mm, răng lệch lạc về vị trí đã được tính toán tự động bằng kế hoạch được thiết lập trên hệ thống chụp hình 3D, không thay đổi với tương quan khớp cắn<br>- Phạm vi thực hiện: 2 hàm<br>- Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt<br>- Kích thước: bề dày từ 0.5 → 0.7mm<br>- Đóng gói 15 cặp khay/gói<br>- Thời gian chỉnh nha: 9 tháng đến 1.5 năm<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)  | Gói | 19       |
| 132 | Máng chỉnh nha mức độ đơn giản, 1 hàm                 | Máng chỉnh nha mức độ đơn giản, 1 hàm dùng sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc < 2mm, thừa kẽ < 2mm, răng lệch lạc về vị trí đã được tính toán tự động bằng kế hoạch được thiết lập trên hệ thống chụp hình 3D, không thay đổi với tương quan khớp cắn.<br>- Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt<br>- Phạm vi thực hiện: 1 hàm<br>- Kích thước: bề dày từ 0.5 → 0.7mm<br>- Đóng gói: 8 khay/gói<br>- Thời gian chỉnh nha: từ 6 → 9 tháng<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)    | Gói | 28       |
| 133 | Máng chỉnh nha mức độ đơn giản, 2 hàm                 | Máng chỉnh nha mức độ đơn giản, 2 hàm dùng sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc < 2mm, thừa kẽ < 2mm, răng lệch lạc về vị trí đã được tính toán tự động bằng kế hoạch được thiết lập trên hệ thống chụp hình 3D, không thay đổi với tương quan khớp cắn<br>- Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt<br>- Phạm vi thực hiện: 2 hàm<br>- Kích thước: bề dày từ 0.5 → 0.7mm<br>- Đóng gói 8 cặp khay/ gói<br>- Thời gian chỉnh nha: từ 6 → 9 tháng<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) | Gói | 12       |
| 134 | Máng chỉnh nha mức độ khó, 1 hàm                      | Máng chỉnh nha mức độ khó, 1 hàm dùng sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc > 5mm, thừa kẽ > 5mm, răng lệch lạc về vị trí đã được tính toán tự động bằng kế hoạch được thiết lập trên hệ thống chụp hình 3D, thay đổi tương quan khớp cắn < 2mm<br>- Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt<br>- Phạm vi thực hiện: 1 hàm<br>- Kích thước: bề dày từ 0.5 → 0.7mm<br>- Đóng gói 50 khay/gói<br>- Thời gian chỉnh nha: từ 2.5 → 3 năm<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)              | Gói | 12       |

100



| STT | Tên danh mục                                          | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | ĐVT | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 135 | Máng chỉnh nha mức độ khó, 2 hàm                      | Máng chỉnh nha mức độ khó, 2 hàm dùng sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc > 5mm, thưa kẽ > 5mm, răng lệch lạc về vị trí đã được tính toán tự động bằng kế hoạch được thiết lập trên hệ thống chụp hình 3D, có dịch chuyển đi xa hàm trên < 2mm<br>- Phạm vi thực hiện: 2 hàm<br>- Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt<br>- Kích thước: bề dày từ 0.5 → 0.7mm<br>- Đóng gói 50 cặp khay/gói<br>- Thời gian chỉnh nha: từ 2.5 → 3 năm<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)      | Gói | 12       |
| 136 | Máng chỉnh nha mức độ trung bình, 1 hàm               | Máng chỉnh nha mức độ trung bình, 1 hàm dùng sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc 3-5mm, thưa kẽ 3-5mm, răng lệch lạc về vị trí đã được tính toán tự động bằng kế hoạch được thiết lập trên hệ thống chụp hình 3D, thay đổi tương quan khớp cắn < 2mm<br>- Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt<br>- Phạm vi thực hiện: 1 hàm<br>- Kích thước: bề dày từ 0.5 → 0.7mm<br>- Đóng gói 30 khay/gói<br>- Thời gian chỉnh nha: 1.5 → 2 năm<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)       | Gói | 12       |
| 137 | Máng chỉnh nha mức độ trung bình, 2 hàm               | Máng chỉnh nha mức độ trung bình, 2 hàm dùng sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc 3-5mm, thưa kẽ 3-5mm, răng lệch lạc về vị trí đã được tính toán tự động bằng kế hoạch được thiết lập trên hệ thống chụp hình 3D, có dịch chuyển đi xa hàm trên < 2mm<br>- Phạm vi thực hiện: 2 hàm<br>- Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt<br>- Kích thước: bề dày từ 0.5 → 0.7mm<br>- Đóng gói: 30 cặp khay/gói<br>- Thời gian chỉnh nha: 1.5 → 2 năm<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) | Gói | 12       |
| 138 | Máng duy trì kết quả sau chỉnh nha, 1 hàm, 1 khay     | Máng duy trì kết quả sau chỉnh nha, 1 hàm giúp duy trì kết quả sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc sau khi đã thực hiện chỉnh nha bằng máng trong suốt các loại<br>- Phạm vi thực hiện: 1 hàm<br>- Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt<br>- Kích thước: 1 ± 0.1mm<br>- Số lần duy trì: 01 khay<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)                                                                                                                                           | Gói | 36       |
| 139 | Máng duy trì kết quả sau chỉnh nha, 1 hàm, 3 khay     | Máng duy trì kết quả sau chỉnh nha, 1 hàm giúp duy trì kết quả sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc sau khi đã thực hiện chỉnh nha bằng máng trong suốt các loại<br>- Phạm vi thực hiện: 1 hàm<br>- Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt<br>- Kích thước: khoảng 1 ± 0.1mm<br>- Số lần duy trì: 3 khay<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)                                                                                                                                     | Gói | 19       |
| 140 | Máng duy trì kết quả sau chỉnh nha, 2 hàm, 3 cặp khay | Máng duy trì kết quả sau chỉnh nha, 2 hàm duy trì kết quả sắp xếp, dịch chuyển răng mọc chen chúc sau khi đã thực hiện chỉnh nha bằng máng trong suốt các loại<br>- Phạm vi thực hiện: 2 hàm<br>- Chất liệu: nhựa tổng hợp trong suốt<br>- Kích thước: khoảng 1 ± 0.1mm<br>- 3 cặp khay<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)                                                                                                                                                      | Gói | 19       |

| STT | Tên danh mục                                            | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | ĐVT | Số lượng |
|-----|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 141 | Máng hướng dẫn phẫu thuật cấy ghép 1 chân răng riêng lẻ | <p>Máng hướng dẫn phẫu thuật cấy ghép 1 chân răng đầu tiên dùng cho những trường hợp cấy ghép răng Implant bị mất nhiều răng liền kề hoặc trong các trường hợp phẫu thuật chỉnh hình hàm mặt, được thiết kế dạng 3D dựa trên phim chụp CT và dấu hàm của người bệnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Nhựa Acrylic trong suốt.</li> <li>- Kích thước: phù hợp với vị trí và kích thước răng của mỗi người bệnh</li> <li>- Hỗ trợ kỹ thuật khi Bác Sĩ có yêu cầu.</li> <li>- Yêu cầu khi sử dụng: Không gây kích ứng trong môi trường miệng; dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                                                      | Gói | 11       |
| 142 | Máng hướng dẫn phẫu thuật cấy ghép 1 chân răng kế tiếp  | <p>Máng hướng dẫn phẫu thuật cấy ghép 1 chân răng kế tiếp dùng cho những trường hợp cấy ghép răng Implant bị mất nhiều răng liền kề hoặc trong các trường hợp phẫu thuật chỉnh hình hàm mặt, được thiết kế dạng 3D dựa trên phim chụp CT và dấu hàm của người bệnh. Áp dụng cho 1 chân răng kế tiếp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Nhựa Acrylic trong suốt.</li> <li>- Kích thước: phù hợp với vị trí và kích thước răng của người bệnh</li> <li>- Hỗ trợ kỹ thuật khi Bác Sĩ có yêu cầu.</li> <li>- Yêu cầu khi sử dụng: Không gây kích ứng trong môi trường miệng; dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị.</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                         | Gói | 26       |
| 143 | Máng hướng dẫn phẫu thuật gọt xương hàm                 | <p>Máng hướng dẫn phẫu thuật gọt xương hàm dùng để định hướng cho những trường hợp phẫu thuật chỉnh hình hàm mặt, dạng 3D dựa trên phim chụp CT và dấu hàm của người bệnh</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: nhựa acrylic trong suốt</li> <li>- Kích thước: Tùy theo mẫu dấu lấy từ miệng người bệnh, phù hợp với vị trí và kích thước răng của người bệnh.</li> <li>- Hỗ trợ kỹ thuật khi Bác Sĩ có yêu cầu.</li> <li>- Yêu cầu khi sử dụng: Không gây kích ứng trong môi trường miệng; dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị.</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                                                                                                          | Gói | 12       |
| 144 | Máng nhai cứng điều trị loạn năng Khớp thái dương hàm   | <p>Máng nhai cứng điều trị loạn năng khớp thái dương hàm hỗ trợ cho người bệnh tránh tụt nghiêng răng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Nhựa Biocyl (loại cứng).</li> <li>- Độ dày của máng: Phụ thuộc vào chỉ định điều trị đối với mỗi tình trạng người bệnh</li> <li>- Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ.</li> <li>- Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ của Bệnh viện để hoàn thiện sản phẩm.</li> <li>- Yêu cầu khi sử dụng: vừa khít với hình thể tất cả răng trên miệng người bệnh, tạo cảm giác thoải mái, không vướng, không cộm, không gây tổn thương nướu và niêm mạc miệng.</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul> | Gói | 390      |
| 145 | Máng nhai mềm điều trị loạn năng khớp thái dương hàm    | <p>Máng nhai mềm điều trị loạn năng khớp thái dương hàm hỗ trợ cho người bệnh tránh tụt nghiêng răng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Nhựa Silicone (loại mềm)</li> <li>- Độ dày của máng: Phụ thuộc vào chỉ định điều trị đối với mỗi tình trạng bệnh.</li> <li>- Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ.</li> <li>- Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ của Bệnh viện để hoàn thiện sản phẩm</li> <li>- Yêu cầu khi sử dụng: vừa khít với hình thể tất cả răng trên miệng người bệnh, tạo cảm giác thoải mái, không vướng, không cộm, không gây tổn thương nướu và niêm mạc miệng.</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>        | Gói | 56       |

Word



| STT | Tên danh mục                                                          | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | ĐVT | Số lượng |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 146 | Máng tẩy nhựa cứng                                                    | <p>Máng tẩy nhựa cứng chứa thuốc tẩy trắng răng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Nhựa Biocyl (loại cứng).</li> <li>- Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ.</li> <li>- Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ của Bệnh viện để hoàn thiện sản phẩm</li> <li>- Yêu cầu khi sử dụng: vừa khít với hình thể tất cả răng trên miệng người bệnh, tạo cảm giác thoải mái, không vướng, không cộm, không gây tổn thương nướu và niêm mạc miệng</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                                                                                                                                                                      | Gói | 30       |
| 147 | Máng tẩy nhựa mềm                                                     | <p>Máng tẩy nhựa mềm chứa thuốc tẩy trắng răng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo: Máng nhựa trong suốt, được thiết kế tương thích với khuôn răng của từng người.</li> <li>- Chất liệu: Nhựa Silicone (loại mềm)</li> <li>- Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ.</li> <li>- Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ của Bệnh viện để hoàn thiện sản phẩm.</li> <li>- Yêu cầu khi sử dụng: vừa khít với hình thể tất cả răng trên miệng người bệnh, tạo cảm giác thoải mái, không vướng, không cộm, không gây tổn thương nướu và niêm mạc miệng</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                                                                   | Gói | 216      |
| 148 | Mặt dán sứ                                                            | <p>Mặt dán làm bằng lớp răng sứ mỏng có hình dáng và kích thước như răng thật được dán lên mặt trước của răng bằng một loại keo đặc biệt, trong trường hợp răng bị thưa, sứt mẻ, nhiễm màu.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo: Khung sườn có độ dày 0.25-0.5mm</li> <li>- Chất liệu: Lithium disilicate.</li> <li>- Kích thước: Tùy theo kích thước răng của người bệnh, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của bác sĩ.</li> <li>- Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ của Bệnh viện để hoàn thiện sản phẩm.</li> <li>- Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng.</li> <li>- Bảo hành tối thiểu 10 năm</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul> | Gói | 36       |
| 149 | Mặt gương nha                                                         | <p>Mặt gương nha</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Thép không gỉ</li> <li>- Cấu tạo:</li> </ul> <p>+ Mặt gương: tròn, sáng, khó bám dính, đường kính khoảng <math>\geq 21\text{mm}</math></p> <p>+ Cán gương: dài khoảng <math>\geq 2.5\text{cm}</math>, liền mặt gương. Một đầu gắn liền mặt gương, một đầu cấu tạo rãnh xoắn, phù hợp lắp ghép kết nối với tay gương nha khoa các loại</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy cách đóng gói: <math>\geq 20</math> cái/hộp</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Cái | 864      |
| 150 | Mẫu hàm 3D trong phục hình có sử dụng lấy dấu bằng máy kỹ thuật số 3D | <p>Mẫu hàm 3D trong phục hình (lấy dấu bằng máy kỹ thuật số 3D) được lấy trên miệng người bệnh nhờ phương pháp kỹ thuật số bằng máy scan trên miệng bệnh nhân. Lấy dấu chính xác, tránh kích ứng với chất lấy dấu theo kiểu lấy dấu bằng chất lấy dấu, hoặc cho các chỉ định chỉnh nha, phục hồi các răng mất</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: nhựa Acrylic</li> <li>- Cấu tạo: 01 hoặc 02 hàm</li> <li>- Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh được in ra từ phim chụp cắt lớp và khuôn dấu hàm</li> <li>- Hỗ trợ máy móc, kỹ thuật viên khi Bệnh viện có yêu cầu.</li> <li>- Yêu cầu khi sử dụng: Chính xác, dễ dàng chỉnh sửa theo nhu cầu điều trị.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                                                    | Cái | 74       |

| STT | Tên danh mục                                                           | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | ĐVT | Số lượng |
|-----|------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 151 | Mẫu hàm 3D trong phục hình có sử dụng máy in 3D, 1 hàm                 | Mẫu hàm 3D trong phục hình có sử dụng máy in 3D, 1 hàm là mẫu hàm giả tương ứng phiên bản từ người bệnh được in ra từ kết quả lấy dấu kỹ thuật số 3D để phục hình răng mất theo kích thước đã in hoặc chính hình vùng hàm mặt bằng khí cụ các loại<br>- Chất liệu: nhựa Acrylic<br>- Cấu tạo: 01 hàm<br>- Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh được in ra từ phim chụp cắt lớp và khuôn dấu hàm.<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                                                                                            | Cái | 56       |
| 152 | Mẫu hàm 3D trong phục hình có sử dụng máy in 3D, 2 hàm                 | Mẫu hàm 3D trong phục hình có sử dụng máy in 3D, 2 hàm là mẫu hàm giả tương ứng phiên bản từ người bệnh được lấy từ in ra từ kết quả lấy dấu kỹ thuật số để phục hình răng mất theo kích thước đã in hoặc chính hình vùng hàm mặt bằng khí cụ các loại<br>- Cấu tạo: 02 hàm (hàm trên + hàm dưới)<br>- Chất liệu: Nhựa Acrylic<br>- Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh được in ra từ phim chụp cắt lớp và khuôn dấu hàm<br>- Hỗ trợ kỹ thuật viên khi Bệnh viện có yêu cầu.<br>- Yêu cầu khi sử dụng: chính xác, dễ dàng chỉnh sửa theo nhu cầu điều trị.<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO | Cái | 56       |
| 153 | Miếng trám sứ zirconia                                                 | Miếng trám sứ zirconia dùng trong khôi phục, sửa chữa răng bị sâu hoặc bị rạn, nứt và không cần dùng đến mào răng.<br>- Cấu tạo:<br>+ Bên trong (Inlay) cũng tương tự như một miếng trám được đúc nằm bên trong những đỉnh mũi răng<br>+ Bên ngoài (Onlay) bao phủ lên một hoặc nhiều mũi răng<br>- Chất liệu: bột sứ Emax (thẩm mỹ tối đa)<br>- Kích thước: tùy theo kích thước và vị trí răng của người bệnh<br>- Đóng gói: gói/1 cái<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                                                                   | Gói | 5        |
| 154 | Mũi đánh bóng sứ                                                       | Mũi đánh bóng sứ sử dụng làm láng bóng sau phục hình răng sứ các loại<br>- Chất liệu:<br>+ Đầu mũi: bằng đá mịn<br>+ Thân mũi: bằng thép không gỉ<br>- Hình dạng đầu mũi: đĩa, chóp, dẹp.<br>- Chiều dài cả mũi đánh bóng: khoảng $2 \pm 0.5\text{cm}$ , nhiều kích cỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Cái | 113      |
| 155 | Mũi khoan dùng trong điều trị nội nha                                  | Mũi khoan dùng trong điều trị nội nha dùng để lấy mủn ngà và mở đường vào ống tủy trong điều trị nội nha<br>- Chất liệu: thép không gỉ<br>- Cấu tạo:<br>+ Thân mũi khoan hình xoắn ốc<br>+ Đầu mũi khoan tròn, không sắc bén giúp ngăn ngừa thủng sàn tủy<br>- Chiều dài cả mũi khoan: từ 2.0 → 2.5cm<br>- Đường kính: tối đa 0.9mm<br>- Quy cách đóng gói: $\geq 10$ cái/hộp<br>- Tương thích với tay khoan tốc độ nhanh 4 lỗ                                                                                                                                                                            | Hộp | 55       |
| 156 | Mũi khoan kim cương dùng trong mài cùi răng, trám răng nội nha, các cỡ | Mũi khoan kim cương dùng trong mài cùi răng, trám răng, nội nha<br>- Chất liệu: thép không gỉ, đầu mũi khoan phủ kim cương<br>- Thân mũi khoan phủ kim cương ở chiều dài làm việc, hạt kim cương có nhiều mức độ: mịn, thô.<br>- Hình dáng đầu mũi khoan đa dạng: tối thiểu 50 loại<br>- Chiều dài mũi khoan: từ 0.5 → 10.5mm<br>- Đường kính khoảng $\geq 1.6\text{mm}$<br>- Quy cách đóng gói: $\geq 50$ cái/hộp<br>- Tương thích với tay khoan tốc độ nhanh 4 lỗ                                                                                                                                       | Hộp | 5        |

Wol



| STT | Tên danh mục                                               | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | ĐVT | Số lượng |
|-----|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 157 | Mũi khoan thép nha khoa tốc độ chậm                        | Mũi khoan thép tốc độ chậm sử dụng trong điều trị khoan cắt răng, phục hình răng, phẫu thuật, làm sạch lỗ sâu răng, khoan cắt xương hàm, mài tạo cùi răng<br>- Chất liệu: thép cường lực<br>- Hình dạng đầu mũi khoan: xoắn ốc, tròn, trụ, chóp...<br>- Cán dài, sử dụng tay thẳng chậm.<br>- Chiều dài cả mũi khoan: từ 4 → 5cm<br>- Quy cách đóng gói: ≥ 5 mũi/vi<br>- Tương thích với tay khoan khuỷu/thẳng tốc độ chậm                                           | Vi  | 1.716    |
| 158 | Mũi khoan vùng hàm mặt, tương thích vít 2.0mm              | Mũi khoan nhỏ phẫu thuật vùng hàm mặt dùng để khoan lỗ đặt vít trong cổ định xương gãy vùng hàm mặt<br>- Chất liệu: thép không gỉ<br>- Kích thước:<br>+ Đường kính tối đa 1.6mm<br>+ Chiều dài mũi khoan: từ 52 → 72mm<br>+ Chiều dài làm việc từ 6 → 22mm<br>- Tương thích vít nhỏ đường kính khoảng 2.0mm                                                                                                                                                          | Cái | 10       |
| 159 | Mũi khoan vùng hàm mặt, tương thích vít 2.4 mm             | Mũi khoan lớn vùng hàm mặt dùng để khoan lỗ đặt vít trong cổ định xương gãy vùng hàm mặt<br>- Chất liệu thép không gỉ<br>- Đường kính: > 2.0mm<br>- Chiều dài mũi khoan: khoảng 7.0 → 7.5cm<br>- Chiều dài mũi khoan: khoảng 11 → 11.5cm<br>- Chiều dài làm việc khoảng 2.5 → 3.0cm<br>- Tương thích vít lớn đường kính khoảng 2.4mm                                                                                                                                 | Cái | 10       |
| 160 | Mũi mài sữa, đánh bóng hàm giả, các cỡ                     | Mũi mài sữa, đánh bóng hàm giả, các cỡ trong phục hình răng<br>- Chất liệu: thép carbon, thép không gỉ<br>- Đường kính: từ 1/2 (0.6mm) → 6 (1.8mm)<br>- Chiều dài: khoảng 22mm → 34mm<br>- Đóng gói 6 cái/hộp<br>- Tương thích với tay khoan khuỷu/thẳng tốc độ chậm                                                                                                                                                                                                 | Hộp | 2        |
| 161 | Nắp chụp lành thương cấy ghép implant, kết nối côn, các cỡ | Nắp chụp lành thương cấy ghép implant, kết nối côn dùng trong thủ thuật, phẫu thuật cấy ghép implant<br>- Chất liệu: titanium<br>- Kích thước:<br>+ Loại thuận: Đường kính: từ 3.3 → 4.8mm, chiều cao: 2 → 8mm<br>+ Loại tiêu chuẩn: Đường kính: từ 3.9 → 5.8mm, chiều cao: từ 2 → 8mm<br>+ Loại rộng: Đường kính: từ 5.5 → 6.3mm, chiều cao: từ 2 → 5mm<br>- Lực vặn 20 - 25Ncm<br>- Tiệt khuẩn<br>- Tương thích vật liệu cấy ghép chân răng Implant Titanium C1/V3 | Cái | 156      |
| 162 | Nắp đẩy trụ chân răng nhân tạo, các cỡ                     | Nắp đẩy trụ chân răng nhân tạo, các cỡ dùng trong thủ thuật, phẫu thuật cấy ghép implant<br>- Chất liệu: Hợp kim Titanium<br>- Kích thước: Đường kính từ 3.0 → 4.3mm<br>- Cấu tạo: Kết nối hình nón lục giác<br>- Tiệt khuẩn<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                                                                                 | Cái | 150      |
| 163 | Nẹp lớn cố định giữ chỗ 20 lỗ, trái/phải                   | Nẹp lớn cố định giữ chỗ 20 lỗ, trái/phải dùng cố định xương gãy vùng hàm mặt<br>- Chất liệu: titanium<br>- Kích thước: Dày từ 2.0 → 2.6mm. Khoảng cách từ tâm lỗ đầu đến tâm lỗ cuối là khoảng 137 → 138mm<br>- Cấu tạo: hình chữ L trái/phải, 20 lỗ (5 lỗ + 15 lỗ)<br>- Tương thích vít lớn đường kính khoảng 2.4mm<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                                                 | Cái | 10       |

| STT | Tên danh mục                                                             | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | ĐVT  | Số lượng |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------|
| 164 | Nẹp lớn cố định giữ chỗ 26 lỗ, trái/phải                                 | Nẹp lớn cố định giữ chỗ 26 lỗ, trái/phải dùng cố định xương gãy vùng hàm mặt<br>- Chất liệu: titanium<br>- Kích thước: dày từ 2.0 → 2.6mm. Khoảng cách từ tâm lỗ đầu đến tâm lỗ cuối là khoảng 185 → 186mm<br>- Cấu tạo: hình chữ L trái/phải, 26 lỗ (5 lỗ + 21 lỗ)<br>- Tương thích vít đường kính khoảng 2.4mm<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                                                                                                 | Cái  | 3        |
| 165 | Nhám kẽ                                                                  | Nhám kẽ dùng để đánh bóng vị trí tiếp xúc mặt bên của răng sau khi trám<br>- Chất liệu: inox, thép không gỉ<br>- Kích thước: chiều ngang từ 2.5 → 4mm, chiều dài khoảng 130 → 135mm, độ dày từ 70 → 140mm<br>- Có 4 màu sắc tương ứng với độ nhám mịn khác nhau<br>- Quy cách đóng gói: ≥ 12 cái/gói<br>- Tiêu chuẩn: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)                                                                                                                                                                | Cái  | 115      |
| 166 | Nhíp phẫu thuật có máu/không máu                                         | Nhíp phẫu thuật có máu/không máu giúp kẹp và giữ chặt mô, cơ trong suốt quá trình phẫu thuật thủ thuật<br>- Chất liệu: Thép không gỉ, hợp kim Carbide Tungstene<br>- Kích thước: từ 12 → 15cm<br>- Cấu tạo: Mặt trong đầu nhíp nhám giúp giữ chặt mô cơ. Tay cầm có khóa, vạch tạo độ nhám<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                                                                                                                       | Cây  | 48       |
| 167 | Nút lành thương trụ chân răng nhân tạo, các cỡ                           | Nút lành thương trụ chân răng nhân tạo sử dụng cho trụ cấy ghép chân răng, dùng trong thủ thuật, phẫu thuật cấy ghép implant<br>- Chất liệu: Hợp kim Titanium<br>- Kích thước: Đường kính từ 3.0 → 6.0mm, chiều dài: từ 3 → 7mm<br>- Cấu tạo: Kết nối hình nón lục giác<br>- Tiệt khuẩn<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                                                                  | Cái  | 150      |
| 168 | Ống dán trực tiếp răng hàm                                               | Ống dán trực tiếp răng hàm dùng trong các thủ thuật chỉnh nha, được gắn trực tiếp răng hàm, răng cối nhỏ hàm dưới.<br>- Chất liệu: Thép không gỉ<br>- Cấu tạo dạng một, hai hoặc ba ống tạo thành khối, lòng ống vuông hoặc tròn nhiều kích cỡ<br>- Đường kính ống từ 0.18 → 0.45 inch<br>- Kích thước rãnh giữa các ống: từ 0.18 x 0.25 inch đến 0.22 x 0.28 inch<br>- Quy cách đóng gói: ≥ 10 cái/gói                                                                                                          | Cái  | 120      |
| 169 | Ống hút nước bọt, dịch trong thủ thuật, phẫu thuật nha khoa, dài 18-20cm | Ống hút nước bọt, dịch trong thủ thuật, phẫu thuật nha khoa<br>- Chất liệu: inox, thép không gỉ<br>- Cấu tạo: Một đầu hút cong, có dây thông tắc bằng thép không gỉ đi kèm. Một đầu có nhiều nấc giúp lưu giữ chắc chắn với dây hút nha khoa. Trên tay cầm có lỗ thông giúp điều khiển tắt, mở hút khi cần<br>- Chiều dài: từ 18 → 20cm<br>- Độ cong đầu hút: từ 25 → 30 độ<br>- Đường kính từ 1.5 → 2mm<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) | Cái  | 78       |
| 170 | Ống nhựa bảo vệ môi                                                      | Ống nhựa bảo vệ môi sử dụng để bao bọc dây cung niti, SS trong chỉnh nha giúp các đầu dây cung không làm tổn thương niêm mạc môi má<br>- Chất liệu: nhựa, không có latex<br>- Chiều dài: ≥ 3m<br>- Đường kính: ≥ 0.27mm<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                                                                                                                                                                                          | Cuộn | 120      |

1202



| STT | Tên danh mục                                                                     | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | ĐVT | Số lượng |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 171 | Phục hình cốt thân trụ răng trong cấy ghép chân răng có bắt vít (răng liền kề)   | Phục hình cốt thân trụ răng tùy chỉnh trong cấy ghép chân răng có bắt vít dùng kết nối chân răng được cấy ghép với phục hình răng bên trên trong trường hợp mất 1 hoặc nhiều răng liền kề<br>- Chất liệu: Titanium<br>- Kích thước: phù hợp với vị trí và kích thước răng của người bệnh<br>- Đóng gói: gói/1 cái<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Gói | 46       |
| 172 | Phục hình thân trụ răng trong cấy ghép chân răng có bắt vít (răng không liền kề) | Phục hình thân trụ răng trong cấy ghép chân răng có bắt vít là khớp nối được gắn hoặc lắp cố định vào trên đỉnh Implant, dùng để kết nối trụ Implant với mão sứ, trong trường hợp mất 1 hoặc nhiều răng không liền kề.<br>- Cấu tạo: Gồm 2 phần chính là Trụ chân răng và Vít kết nối, có nhiệm vụ làm trụ chống đỡ cho mão sứ, tạo thành liên kết vững chắc cho mão sứ và Implant.<br>- Chất liệu: Titanium nguyên khối.<br>- Kích thước: phù hợp với vị trí và kích thước răng của người bệnh<br>- Hỗ trợ kỹ thuật khi Bệnh viện có yêu cầu.<br>- Yêu cầu khi sử dụng: Không gây kích ứng trong môi trường miệng, dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị.<br>- Đóng gói: gói/1 cái<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO | Gói | 24       |
| 173 | Cao su lấy dấu loại nặng (sử dụng súng trộn)                                     | Cao su lấy dấu răng loại nặng, sử dụng khi trộn cùng cao su lấy dấu loại nhẹ, dùng trong điều trị phục hình nha khoa<br>- Thành phần: Vinyl polysiloxane Impression Material Putty<br>- Thời gian làm việc bên ngoài: 2 phút<br>- Thời gian làm việc trong miệng: 2 phút<br>- Quy cách đóng gói: cặp (kit)/2 x 300ml<br>- Tương thích cao su lấy dấu nhẹ cùng hãng<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Hộp | 60       |
| 174 | Răng kim loại                                                                    | Răng kim loại dùng để thay thế cho răng thật riêng lẻ do bị hư, sút mẻ, sâu răng và thực hiện chức năng ăn nhai.<br>- Cấu tạo: Khung sườn và mão kim loại<br>- Chất liệu: Hợp kim tương đương Niken - Crome, Crome - Cobalt<br>- Kích thước: phù hợp với kích thước và vị trí răng của người bệnh<br>- Bảo hành tối thiểu 3 năm<br>- Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: có tính tương hợp sinh học cao, có thể kết hợp tốt với xương, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng.<br>- Đóng gói: gói/1 cái<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                                                                                                                  | Gói | 20       |
| 175 | Răng nhựa                                                                        | Răng nhựa dành riêng cho phục hình tháo lắp, khôi phục hàm răng cho người cao tuổi hoặc trường hợp mất từ 1 răng trở lên hoặc mất răng toàn hàm.<br>- Chất liệu: Nhựa nha khoa Việt Nam tương đương nhựa Acrylic<br>- Kích thước: tùy theo kích thước hàm của người bệnh<br>- Tương thích với các bộ so màu (Vita3D, Vita classical, Socope)<br>- Đóng gói: gói/1 cái<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Gói | 858      |
| 176 | Răng nhựa Composite 2 lớp                                                        | Răng nhựa dành riêng cho phục hình tháo lắp, khôi phục hàm răng cho người cao tuổi hoặc trường hợp mất từ 1 răng trở lên hoặc mất răng toàn hàm<br>- Chất liệu: Nhựa Composite 2 lớp tương đương nhựa nha khoa chuyên dụng Justy (Nhật).<br>- Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh<br>- Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: Màu răng phải tương thích với bộ so màu (Vita3D, Vita classical, Socope), tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng.<br>- Đóng gói: gói/1 cái<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                                                                                                                                     | Gói | 16       |

| STT | Tên danh mục                                              | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | ĐVT | Số lượng |
|-----|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 177 | Hàm lai khung sườn kim loại phủ sứ nguyên khối            | <p>Hàm lai khung sườn kim loại phủ sứ nguyên khối dùng để thay thế cho răng thật phục hình trên Implant và thực hiện chức năng ăn nhai</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo: Gồm khung sườn và lớp sứ phủ bên ngoài.</li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khung sườn: Hợp kim Crome - Cobalt.</li> <li>+ Lớp men sứ phủ ngoài: Bột sứ Emax (thẩm mỹ tối đa), Ceramco3, Noritake.</li> </ul> </li> <li>- Kích thước: tùy theo mẫu hàm được lấy khuôn trong miệng người bệnh, yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của bệnh nhân (tất cả các loại răng).</li> <li>- Yêu cầu khi sử dụng: Không kích ứng trong miệng bệnh nhân, dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                                                                                                                                                                     | Cái | 6        |
| 178 | Răng sứ, chịu lực 900 - 1.200 Mpa                         | <p>Răng sứ dùng để thay thế cho răng thật hoặc phục hình răng hư tổn và thực hiện chức năng ăn nhai.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo: gồm khung sườn và lớp sứ thẩm mỹ phủ bên ngoài</li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khung sườn: vật liệu Zirconium dioxit với độ dày khoảng 0.5mm – 0.6 mm. Các thời sứ có khả năng chịu lực nén, ép, xoắn cực lớn, đạt tới 900 - 1.200 Mpa</li> <li>+ Lớp sứ thẩm mỹ phủ bên ngoài: Bột sứ E-max (thẩm mỹ tối đa), Noritake, Ceramco3 PFZ,</li> </ul> </li> <li>- Kích thước: phù hợp với kích thước và vị trí răng của người bệnh</li> <li>- Bảo hành tối thiểu 07 năm</li> <li>- Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: Màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng.</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                                                     | Gói | 216      |
| 179 | Răng sứ trên Implant, thời gian bảo hành tối thiểu 07 năm | <p>Răng sứ trên Implant dùng để thay thế cho răng thật trên Implant và thực hiện chức năng ăn nhai.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khung sườn: Vật liệu tương đương Zirconium dioxit với độ dày khoảng 0.5 – 0.6 mm. Các thời sứ có khả năng chịu lực nén, ép, xoắn cực lớn, đạt tới 1.200 - 1.350Mpa.</li> <li>+ Lớp sứ men phủ ngoài: Bột sứ Emax (thẩm mỹ tối đa).</li> </ul> </li> <li>- Cấu tạo: gồm khung sườn và lớp sứ men phủ bên ngoài, có đầu kết nối với chân răng nhân tạo bên dưới.</li> <li>- Kích thước: Theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của người bệnh (tất cả các loại răng).</li> <li>- Bảo hành tối thiểu 07 năm.</li> <li>- Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: Màu răng phải tương thích với bộ so màu (Vita3D, Vita classical, Socope), tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                     | Gói | 94       |
| 180 | Răng sứ kim loại                                          | <p>Răng sứ kim loại dùng để thay thế cho răng thật hoặc phục hình răng hư tổn và thực hiện chức năng ăn nhai.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo: gồm khung sườn và lớp sứ men phủ bên ngoài.</li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khung sườn: Hợp kim Crome - Cobalt - Niken</li> <li>+ Lớp sứ men phủ bên ngoài: bột sứ emax (thẩm mỹ tối đa), Noritake, Ceramco3</li> </ul> </li> <li>- Kích thước: Theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của người bệnh (tất cả các loại răng).</li> <li>- Bảo hành tối thiểu 03 năm</li> <li>- Hỗ trợ kỹ thuật viên so màu, chụp hình răng trực tiếp trên miệng bệnh nhân.</li> <li>- Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: Màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, có tính tương hợp sinh học cao, có thể kết hợp tốt với xương, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng.</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul> | Gói | 312      |

WLO



| STT | Tên danh mục                                        | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | ĐVT | Số lượng |
|-----|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 181 | Cao su lấy dấu loại nặng (sử dụng kính và dao trộn) | <p>Cao su lấy dấu loại nặng, sử dụng khi trộn cùng cao su lấy dấu loại nhẹ, dùng trong điều trị phục hình nha khoa</p> <p>Đặc điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tính chất Snap-set</li> <li>- Ưu nước, màu tương phản cao giữa các độ nhớt khác nhau.</li> <li>- Khả năng hồi phục tuyệt vời sau khi bị biến dạng</li> <li>- Quy cách đóng gói: cặp (kit)/8 x 262ml</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Hộp | 84       |
| 182 | Răng sứ Titan trên implant                          | <p>Răng sứ Titan trên implant dùng để thay thế cho răng thật trên implant và thực hiện chức năng ăn nhai như răng thật</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo: gồm khung sườn và lớp sứ men phủ bên ngoài, có đầu kết nối với chân răng nhân tạo bên dưới.</li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khung sườn: Hợp kim Titan (trong đó có chứa 4-6% Titanium)</li> <li>+ Lớp sứ men phủ ngoài: Noritake hoặc Ceramco3.</li> </ul> </li> <li>- Kích thước: Theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của người bệnh (tất cả các loại răng).</li> <li>- Bảo hành tối thiểu 05 năm.</li> <li>- Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: Màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng.</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                  | Gói | 108      |
| 183 | Răng sứ Zirconia, chịu lực nên đạt tới 900 Mpa      | <p>Răng sứ Zirconia dùng để thay thế cho răng thật hoặc phục hình răng hư tổn và thực hiện chức năng ăn nhai</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo: gồm khung sườn và lớp sứ men phủ bên ngoài</li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khung sườn: Vật liệu tương đương Zirconium với độ dày khoảng 0.5 – 0.6 mm. Các thời sứ có khả năng chịu lực nén, ép, xoắn cực lớn, đạt tới 900 Mpa. 100% không hợp kim.</li> <li>+ Lớp sứ men phủ ngoài: bột sứ emax (thẩm mỹ tối đa), Noritake</li> </ul> </li> <li>- Kích thước: Theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của người bệnh (tất cả các loại răng).</li> <li>- Bảo hành tối thiểu 10 năm</li> <li>- Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: Màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul> | Gói | 234      |
| 184 | Răng sứ Zirconia toàn bộ                            | <p>Răng sứ Zirconia toàn bộ dùng để thay thế cho răng thật hoặc phục hình răng hư tổn và thực hiện chức năng ăn nhai</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo: Zirconium nguyên khối.</li> <li>- Chất liệu: Vật liệu tương đương Zirconium dioxide, các thời Zirconia được nung ở nhiệt độ cao có khả năng chịu lực nén, ép, xoắn cực lớn, đạt tới 900Mpa.</li> <li>- Kích thước: Theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của người bệnh (tất cả các loại răng).</li> <li>- Bảo hành tối thiểu 10 năm.</li> <li>- Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: Màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng.</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                                                                                                   | Gói | 216      |

| STT | Tên danh mục                                 | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | ĐVT | Số lượng |
|-----|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 185 | Răng sứ Zirconia trên implant                | <p>Răng sứ Zirconia trên implant dùng để thay thế cho răng thật trên implant và thực hiện chức năng ăn nhai.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo: Gồm khung sườn và lớp sứ thẩm mỹ phủ bên ngoài, có đầu kết nối với chân răng nhân tạo bên dưới.</li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khung sườn: Zirconia White Peeks, 100% không hợp chất.</li> <li>+ Lớp sứ thẩm mỹ phủ ngoài: Bột sứ E-max (thẩm mỹ tối đa), Noritake, Ceramco3 PFZ</li> </ul> </li> <li>- Kích thước: Theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của người bệnh (tất cả các loại răng).</li> <li>- Bảo hành tối thiểu 10 năm.</li> <li>- Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: Màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng.</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul> | Gói | 94       |
| 186 | Ron mắc cài đơn                              | <p>Ron mắc cài đơn có tác dụng kết nối giữa hàm khung liên kết và răng giả trên khung, tạo sự cố định, bền chắc của hàm răng giả</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: cao su</li> <li>- Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh</li> <li>- Tương thích với mắc cài đơn cùng hãng</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Gói | 5        |
| 187 | Sáp chỉnh nha                                | <p>Sáp chỉnh nha bôi trơn chống tổn thương niêm mạc môi má trong thủ thuật chỉnh nha</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: sáp ong chuyên dùng trong nha khoa</li> <li>- Kích thước: dạng thỏi dài &gt; 5cm</li> <li>- Quy cách đóng gói: <math>\geq 4</math> thanh/hộp</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | hộp | 749      |
| 188 | Sáp lá                                       | <p>Sáp lá dùng trong phục hình răng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: sáp nền</li> <li>- Kích thước khoảng 17 x 10 x 0.2cm, hình chữ nhật</li> <li>- Trọng lượng: khoảng 200 → 250g</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Hộp | 24       |
| 189 | Sò đánh bóng răng                            | <p>Sò đánh bóng răng giúp đánh bóng, làm sạch răng sau điều trị viêm nha chu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: ion florua (<math>\geq 1.23\%</math>), không có gluten</li> <li>- Trọng lượng: 2gram/cái <math>\pm 0.5</math></li> <li>- Đóng gói tối thiểu 200 cái/hộp</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Hộp | 29       |
| 190 | Thanh nâng đỡ trong cấy ghép 4 trụ chân răng | <p>Thanh nâng đỡ trong cấy ghép 4 trụ chân răng giúp nâng đỡ cho phục hình hàm nhựa phủ trong cấy ghép 4 trụ chân răng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo: Gồm 4 trụ Implant sẽ được đặt thẳng liên kết với nhau bằng thanh bar cad/cam nâng đỡ trên 4 trụ chân răng.</li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thanh Bar: Titanium nguyên khối hoặc kết hợp với thoi Zirconium.</li> </ul> </li> <li>- Kích thước: tùy theo kích thước và vị trí răng được lấy dấu của người bệnh</li> <li>- Hỗ trợ kỹ thuật khi Bệnh viện có yêu cầu</li> <li>- Yêu cầu khi sử dụng: Có khả năng đề kháng với sự lan truyền nứt gãy.</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                                                                                                                            | Gói | 3        |

2021



| STT | Tên danh mục                                                        | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | ĐVT | Số lượng |
|-----|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 191 | Tay khoan tốc độ nhanh 4 lỗ, có đèn                                 | <p>Tay khoan tốc độ nhanh kèm khớp nối nhanh 4 lỗ, có đèn dùng để gắn mũi khoan các loại trong các thủ thuật, phẫu thuật nha khoa</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Thép</li> <li>- Kích thước: Đường kính đầu tay khoan khoảng 12.2 mm</li> <li>- Cấu tạo: Cán thẳng. Đầu tiếp xúc với dây hơi của máy nha khoa cấu tạo 04 lỗ. Ba tia phun sương. Có đèn</li> <li>- Tốc độ: tối đa 330.000 vòng/phút</li> <li>- Công suất: tối đa 18W</li> <li>- Độ ồn: khoảng 62dB</li> <li>- Hệ thống xoay</li> <li>- Tương thích với mũi khoan tốc độ nhanh các loại</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                             | Cái | 28       |
| 192 | Mắc cài kim loại dành cho răng cối nhỏ                              | <p>Mắc cài kim loại dành cho răng cối nhỏ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: thép không gỉ, không chứa niken</li> <li>- Kích thước: rãnh (khe) khoảng <math>0.022 \pm 0.001</math> inch (khoảng <math>0.56 \pm 0.01</math>mm)</li> <li>- Sắp xếp: Một bộ bao gồm 20 mắc cài tương đương vị trí 20 răng trên cung hàm</li> <li>- Cấu tạo một mảnh mắc cài: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cạnh bo tròn</li> <li>+ Chỉ thị màu phân biệt từng mắc cài</li> <li>+ Trên mỗi mắc cài có đánh số tương đương vị trí của răng</li> <li>+ Mặt lưng có rãnh lưới</li> <li>+ Trên mắc cài có các đường gờ giúp gắn chính xác trên răng</li> <li>+ Có cánh sâu để buộc thun hoặc cột dây</li> </ul> </li> <li>- Tương thích với các dây cung, dây thun các loại</li> <li>- Bộ tối thiểu 20 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul> | Bộ  | 86       |
| 193 | Thạch cao cứng                                                      | <p>Thạch cao siêu cứng là vật liệu dùng để lấy dấu, lấy ni (lấy mẫu ban đầu) của hàm, răng hoặc các chỉ định khác cần lấy mẫu chính xác</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: bột thạch cao</li> <li>- Thời gian đông cứng tối đa 40 phút, loại bỏ khuôn sau khoảng 60 phút</li> <li>- Trọng lượng tối thiểu 1.5kg/gói</li> <li>- Tiêu chuẩn: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Gói | 191      |
| 194 | Răng composite                                                      | <p>Răng Composite dành riêng cho phục hình tháo lắp, khôi phục hàm răng cho người cao tuổi hoặc trường hợp mất từ 1 răng trở lên hoặc mất răng toàn hàm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Nhựa composite của Nhật</li> <li>- Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của người bệnh</li> <li>- Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: Màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng.</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Gói | 480      |
| 195 | Thân trụ răng cấy ghép cho nhiều đơn vị kết nối lực giác dạng thẳng | <p>Thân trụ răng cấy ghép cho nhiều đơn vị kết nối lực giác dạng thẳng dùng trong những trường hợp phục hình răng nhiều đơn vị hướng thẳng, phục hình hình bất vít</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Hợp kim Titanium</li> <li>- Kích thước: đường kính: khoảng 3.5 → 5.5mm, chiều cao nướu: từ 1.5 → 4.5mm</li> <li>- Cấu tạo: bất vít phục hình dạng thẳng, kết nối hình nón lực giác</li> <li>- Tiệt khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Cái | 36       |

| STT | Tên danh mục                                         | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | ĐVT | Số lượng |
|-----|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 196 | Keo quang trùng hợp trám răng                        | Keo quang trùng hợp dùng trong trám răng giúp tăng độ kết dính của vật liệu trám vào men răng<br>- Thành phần: Pre-Bond và chất kích hoạt<br>- Phù hợp để gắn chốt, tái tạo cùi, kết dính các vật liệu trám răng, men răng và ngà răng.<br>- Đóng gói: 1 lọ Bond 5ml, 1 lọ Bond A 5ml, 1 lọ Prebond 5ml, 1 tuýp etching và phụ kiện<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Bộ  | 64       |
| 197 | Thân tuốc nơ vít dùng để vặn vít 2.0mm               | Thân tuốc nơ vít dùng để vặn vít đường kính khoảng 2.0mm, kết nối vít và đầu vặn vít, cố định vít vào nẹp và vùng xương gãy<br>- Chất liệu: thép không gỉ<br>- Kích thước: dài khoảng 88 → 120mm<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Cái | 19       |
| 198 | Thanh nâng đỡ trong cấy ghép 1 trụ chân răng         | Thanh nâng đỡ trong cấy ghép 1 trụ chân răng tiếp theo giúp nâng đỡ cho phục hình hàm nhựa phủ trong phục hình Implant.<br>- Cấu tạo: Thanh bar cad/cam Titan được tiếp nối với thanh nâng đỡ trên 1 trụ chân răng tiếp theo.<br>- Chất liệu:<br>+ Thanh Bar: Titanium nguyên khối hoặc kết hợp với thoi Zirconium<br>- Kích thước: tùy theo kích thước và vị trí răng được lấy dấu của người bệnh<br>- Hỗ trợ kỹ thuật khi Bệnh viện có yêu cầu<br>- Yêu cầu khi sử dụng: có khả năng đề kháng với sự lan truyền nứt gãy<br>- Đóng gói: gói/1 cái<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                                                                          | Gói | 19       |
| 199 | Hàm khung nhựa khung sườn kim loại và răng composite | Hàm khung nhựa cường lực phủ trong phục hình cấy ghép implant trên thanh bar kèm răng dùng để thay thế cho răng thật phục hình trên Implant và thực hiện chức năng ăn nhai.<br>- Cấu tạo: Khung sườn và hàm nhựa cường lực phủ ngoài khung sườn.<br>- Chất liệu:<br>+ Khung sườn: Hợp kim Crome - Cobalt<br>+ Hàm nhựa phủ ngoài khung sườn: Nhựa cường lực<br>+ Răng: Nhựa composite<br>- Kích thước: Theo mẫu hàm được lấy khuôn trong miệng người bệnh, yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của bệnh nhân (tất cả các loại răng).<br>- Yêu cầu khi sử dụng: Không kích ứng trong miệng bệnh nhân, dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị<br>- Đóng gói: gói/1 cái<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO | Gói | 8        |
| 200 | Thun buộc mắc cài dành cho mắc cài kim loại, sứ      | Thun buộc mắc cài dành cho mắc cài kim loại, sứ dùng trong thủ thuật chỉnh nha<br>- Chất liệu: cao su<br>- Kích thước: đường kính vòng thun tối đa 0.115 inch<br>- Cấu tạo: gồm nhiều vòng thun tròn trên một thanh<br>- Quy cách đóng gói: > 40 cây/hộp<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Hộp | 202      |
| 201 | Thun buộc mắc cài, cố định hàm mặt                   | Thun buộc mắc cài, cố định hàm mặt trong thủ thuật chỉnh hình hàm mặt<br>- Chất liệu: cao su latex thiên nhiên<br>- Đường kính vòng thun tối đa 3/8" (9.35mm)<br>- Tương thích với dụng cụ đặt thun, cố định hàm, mắc cài chỉnh nha.<br>- Quy cách đóng gói: ≥ 100 cái/gói<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Gói | 240      |

2022



| STT | Tên danh mục                                                      | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | ĐVT  | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------|
| 202 | Thun chuỗi buộc mắc cài, các loại                                 | Thun chuỗi buộc mắc cài, các loại dùng trong thủ thuật chỉnh nha<br>- Chất liệu: cao su latex<br>- Chiều dài: khoảng 4.5 → 5.0m<br>- Cấu tạo: hình chuỗi dài nhiều lỗ liên tiếp<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | cuộn | 120      |
| 203 | Thun kéo mắc cài các cỡ                                           | Thun kéo mắc cài các cỡ dùng trong thủ thuật chỉnh nha<br>- Chất liệu: cao su latex thiên nhiên<br>- Kích thước: đường kính từ 3.0 → 9.5mm<br>- Lực kéo: từ 2 → 8 Oz<br>- Quy cách đóng gói: ≥ 100 cái/gói<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Gói  | 18       |
| 204 | Thun tách kẽ                                                      | Thun tách kẽ giữa các răng trong thủ thuật chỉnh nha<br>- Chất liệu: nhựa<br>- Hình dạng: vòng tròn<br>- Đường kính: tối đa 0.5cm<br>- Quy cách đóng gói: ≥ 1000 cái/gói<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Gói  | 96       |
| 205 | Thước đo chiều dài ống tủy                                        | Thước đo chiều dài ống tủy<br>- Chất liệu: nhựa cứng<br>- Cấu tạo: có vạch chia và các lỗ chia tương ứng kích thước từ 12 → 27mm<br>- Chiều dài: từ 10 → 15cm<br>- Tương đương với chiều dài của các dụng cụ điều trị ống tủy<br>- Đóng gói: hộp/1 cái<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                                                                                                                                                                                                      | Hộp  | 11       |
| 206 | Thước đo chiều dày lòng mào răng                                  | Thước đo chiều dày lòng mào răng<br>- Chất liệu: inox, thép không gỉ<br>- Cấu tạo: hình tam giác kết nối bởi ba thanh, cạnh đáy có chia vạch.<br>Chiều dài khoảng từ 5 → 7 cm<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Cái  | 4        |
| 207 | Thước đo sự cân đối của khuôn mặt (cung hàm) trong phục hình răng | Thước đo sự cân đối của khuôn mặt (cung hàm) trong phục hình răng<br>- Chất liệu: inox, thép không gỉ<br>- Kích thước: chiều dài hai thành ngoài ≥ 10.5cm. Chiều dài lòng trong/ngoài ≥ 8.5cm. Chiều ngang lòng trong thước ≥ 6.3cm<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Cái  | 5        |
| 208 | Trụ chân răng nhân tạo có bao phủ màng sinh học các cỡ            | Trụ chân răng nhân tạo có bao phủ màng sinh học, các cỡ sử dụng thay thế chân răng, trong những trường hợp: nâng đỡ và tích hợp mô vùng cổ implant, tăng tích hợp vùng xương khi nhổ răng đặt implant và gắn phục hình tức thì<br>- Chất liệu: Titanium tinh khiết độ 4<br>- Kích thước: đường kính từ 3.0 → 5.5mm, chiều dài: từ 7 → 18mm<br>- Cấu tạo: bề mặt cấu trúc nano, nhám và xốp, ren cắt hai chiều, kết nối trong, hình nón, lục giác, cổ có màu phân biệt với dạng thông thường<br>- Tiệt khuẩn<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) | Cái  | 39       |

| STT | Tên danh mục                                                         | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | ĐVT | Số lượng |
|-----|----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 209 | Trụ chân răng nhân tạo song song có bao phủ màng sinh học các cỡ     | <p>Trụ chân răng nhân tạo song song có bao phủ màng sinh học, các cỡ sử dụng thay thế chân răng, trong những trường hợp mất răng toàn hàm hoặc bán hàm hoặc có nâng xoang ghép xương, để phục hồi chức năng ăn nhai, nâng đỡ và tích hợp mô vùng cổ implant, tăng tích hợp xương</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium tinh khiết độ 4</li> <li>- Kích thước: đường kính từ 3.7 → 5.0mm; chiều dài: từ 7 → 18mm</li> <li>- Cấu tạo: bề mặt cấu trúc nano, nhám và xốp, kết nối trong, hình nón, lục giác, dạng song song, có nắp đậy, có màu ở cổ trụ phân biệt với dòng thông thường</li> <li>- Tiệt khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul> | Cái | 40       |
| 210 | Cao su lấy dấu loại nhẹ (sử dụng súng trộn)                          | <p>Cao su lấy dấu loại nhẹ, sử dụng khí trộn cùng cao su lấy dấu loại nặng, dùng để lấy dấu răng trong phục hình nha khoa</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: Hydrophilic Vinyl Polysiloxane Impression Materia, dạng lỏng</li> <li>- Thời gian làm việc trong miệng: khoảng 2 phút</li> <li>- Thời gian làm việc bên ngoài: khoảng 2 phút.</li> <li>- Sử dụng kết hợp cao su lấy dấu nặng cùng hãng</li> <li>- Thể tích tối thiểu 50ml/ống</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                       | Ống | 60       |
| 211 | Trụ phục hình cho thân trụ răng đa hướng kết nối côn nghiêng         | <p>Trụ phục hình cho thân trụ răng đa hướng kết nối côn nghiêng có tác dụng nâng đỡ và tiếp nối cho răng phục hình trên chân răng đã cấy ghép</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: titanium</li> <li>- Kết nối côn.</li> <li>- Dạng nghiêng <math>\geq 17^\circ</math> và <math>\geq 30^\circ</math></li> <li>- Đường kính <math>\geq 4.8\text{mm}</math>, chiều cao nướu <math>\geq 1\text{mm}</math></li> <li>- Lực vặn 20Ncm</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                      | Cái | 48       |
| 212 | Trụ phục hình cho thân trụ răng đa hướng kết nối côn thẳng           | <p>Trụ phục hình cho thân trụ răng đa hướng kết nối côn thẳng có tác dụng nâng đỡ và tiếp nối cho răng phục hình trên chân răng đã cấy ghép</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật liệu: titanium</li> <li>- Dạng thẳng, kết nối côn</li> <li>- Đường kính: <math>\geq 4.8\text{mm}</math>, chiều cao nướu từ 1 → 5mm</li> <li>- Chiều cao phần trên trụ phục hình cho thân trụ răng đa hướng <math>\geq 2.0\text{mm}</math></li> <li>- Lực vặn 30Ncm.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                       | Cái | 24       |
| 213 | Trụ phục hình thẩm mỹ $\geq 15^\circ$ cho chân răng nhân tạo, các cỡ | <p>Trụ phục hình thẩm mỹ cho chân răng nhân tạo dùng trong những trường hợp phục hình răng đơn lẻ hướng nghiêng <math>15^\circ</math>, dán mão răng với xi măng dán trong nha khoa</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Hợp kim Titanium</li> <li>- Kích thước: đường kính: từ 3.0 → 5.5mm, chiều cao nướu từ 1.5 → 4.5mm</li> <li>- Cấu tạo: dạng nghiêng <math>\geq 15^\circ</math>, kết nối hình nón lục giác</li> <li>- Tiệt khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul>                                                                                                                                                                              | Cái | 78       |
| 214 | Trụ phục hình thẩm mỹ cho chân răng nhân tạo, các cỡ                 | <p>Trụ phục hình thẩm mỹ cho chân răng nhân tạo dùng trong những trường hợp phục hình răng đơn lẻ hướng thẳng, dán mão răng với xi măng dán trong nha khoa</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Hợp kim Titanium</li> <li>- Kích thước: đường kính từ 3.0 → 5.5mm, chiều cao nướu từ 1.5 → 4.5mm</li> <li>- Cấu tạo: dạng thẳng, kết nối hình nón lục giác</li> <li>- Tiệt khuẩn</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                    | Cái | 140      |

WU



| STT | Tên danh mục                                                                                                       | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | ĐVT | Số lượng |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 215 | Vật liệu bôi trơn thành ống tủy                                                                                    | Vật liệu bôi trơn thành ống tủy dùng để trám bít ống tủy tạm thời, làm sạch và loại bỏ vôi với độ hòa tan trong nước tốt. Sử dụng cho các trường hợp viêm tủy chảy dịch, kích thích tái tạo mô cứng<br>- Thành phần: Calcium Hydroxide, Barium Sulfate, Poly Propylene Glycol<br>- Dạng bột trộn sẵn.<br>- Trọng lượng: $\geq 2.2g$<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                                                                 | Hộp | 72       |
| 216 | Vật liệu cầm máu nướu                                                                                              | Vật liệu cầm máu nướu giúp cầm máu nướu và ngăn chặn dịch nướu trong các trường hợp chảy máu trung bình sau khi mài cùi răng, trám răng, gắn phục hình, thay thế formocresol trong việc lấy tủy buồng răng sữa<br>- Thành phần: $\geq 20\%$ Sunfat sắt<br>- Dạng gel<br>- Thể tích: $\geq 1.2 ml$<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                                                                                                   | Ống | 5        |
| 217 | Cao su lấy dấu loại nhẹ (sử dụng kính và dao trộn)                                                                 | Cao su lấy dấu loại nhẹ, sử dụng khi trộn cùng cao su lấy dấu loại nặng, dùng trong điều trị phục hình nha khoa.<br>Đặc điểm:<br>- Khả năng chống rách khi thành khuôn<br>- Có khả năng phục hồi đàn hồi ít nhất 99%<br>- Ổn định về kích cỡ khoảng 15 $\rightarrow$ 17 ngày khi thành khuôn<br>- Khuôn lấy dấu không bị biến dạng khi khử khuẩn qua các chất như cồn, muối.<br>- Quy cách đóng gói: 8 cái x ( $\geq 50ml$ )<br>- Thời gian trộn khoảng 5 phút 30 giây<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                      | Hộp | 30       |
| 218 | Vật liệu cấy ghép chân răng bằng titanium các cỡ (Implant C1)                                                      | Vật liệu cấy ghép chân răng bằng titanium các cỡ (Implant C1)<br>- Chất liệu: Titanium grade 23<br>- Kích thước: Đường kính từ 3.3 $\rightarrow$ 5.0mm; chiều dài: từ 8 $\rightarrow$ 16mm.<br>- Đóng gói: 01 Implant, 01 Temporary cylinder, 01 Final drill, 01 Cover Screw<br>- Bước ren khoảng 1.5mm<br>- Cổ hình tròn, áp dụng tạo hình thông thường<br>- Tiệt khuẩn<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)                                                                                                                            | Cái | 156      |
| 219 | Vật liệu cấy ghép chân răng, đường kính 3.0 $\rightarrow$ 5.5mm (trong nhổ răng và gắn phục hình tức thì)          | Vật liệu cấy ghép chân răng sử dụng thay thế chân răng, trong những trường hợp nhổ răng đặt implant và gắn phục hình tức thì.<br>- Chất liệu: Titanium tinh khiết độ 4<br>- Kích thước: Đường kính từ 3.0 $\rightarrow$ 5.5mm; chiều dài: từ 7 $\rightarrow$ 18mm<br>- Cấu tạo: ren cắt hai chiều, kết nối trong, hình nón, lục giác.<br>- Tiệt khuẩn<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                                               | Cái | 100      |
| 220 | Vật liệu cấy ghép chân răng, đường kính 3.75 $\rightarrow$ 5.0mm (trong mất nhiều răng, có nâng xoang, ghép xương) | Vật liệu cấy ghép chân răng sử dụng thay thế chân răng, trong những trường hợp mất răng toàn hàm hoặc bán hàm hoặc có nâng xoang ghép xương, để phục hồi chức năng ăn nhai<br>- Chất liệu: Titanium tinh khiết độ 4<br>- Kích thước: Đường kính từ 3.75 $\rightarrow$ 5.0mm; chiều dài từ 7 $\rightarrow$ 18mm<br>- Cấu tạo: Kết nối bên trong hình nón, lục giác, có thể đặt implant nghiêng đến khoảng 45°<br>- Có nắp đậy đi kèm<br>- Tiệt khuẩn<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) | Cái | 59       |

| STT | Tên danh mục                                              | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | ĐVT  | Số lượng |
|-----|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------|
| 221 | Vật liệu chống ê buốt sau xạ trị                          | Vật liệu chống ê buốt sau xạ trị là phương pháp điều trị bổ sung Flour tại chỗ cho người bệnh sau xạ trị, chống lại mảng bám và kháng lại bệnh viêm nướu, phòng ngừa sâu răng và bảo vệ chân răng nhạy cảm<br>- Thành phần: Chlor $\geq 0.2\%$ và Fluor $\geq 0.32\%$<br>- Dạng gel mịn<br>- Hương bạc hà<br>- Thể tích: $\geq 250\text{ml}$                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Chai | 41       |
| 222 | Vật liệu điều trị ngà nhạy cảm, chống ê buốt răng         | Vật liệu điều trị ngà nhạy cảm, chống ê buốt răng dùng điều trị nhạy cảm ngà và phòng ngừa ê buốt ở vùng cổ răng<br>- Thành phần: KCL (3500ppm F-) ( $\geq 1\%$ ), Hema (2 hydroxyethyl methacrylate), nước tinh khiết, tá dược.<br>- Trọng lượng: $\geq 1\text{ ml}$<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Chai | 28       |
| 223 | Vật liệu dùng để sát trùng ống tủy, dạng kem              | Vật liệu dùng để sát trùng ống tủy, dạng kem nằm trong nhóm xi măng hàn răng được sử dụng để đặt khử trùng tạm thời vào chỗ bít tắc của ống tủy, có thể được sử dụng trong kỹ thuật gián tiếp và trực tiếp, điều trị tủy nhiễm trùng<br>- Thành phần: Canxi hydroxit<br>- Độ pH: 12 $\rightarrow$ 13<br>- Dạng hỗn hợp kem mịn, cân quang<br>- Trọng lượng: $\geq 2.5\text{g} \times 2\text{ ống}$<br>- Sử dụng kèm vật liệu chữa tủy răng các loại<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)                                                                                                                                          | Hộp  | 11       |
| 224 | Vật liệu gắn khâu răng trong chính nha (niềng răng)       | Vật liệu gắn khâu răng trong chính nha (niềng răng) để hóa trùng hợp<br>- Thành phần: xi măng Radiopaque Glass Ionomer có chứa bột thủy tinh, Polycarboxylic acid, Tartaric acid, ...<br>- Khả năng bám dính: $\geq 7.5\text{MPa}$<br>- Độ mỏng lớp xi măng: $\leq 17\mu\text{m}$<br>- Dạng bột (khoảng 30g) và nước (khoảng 12ml)<br>- Thời gian làm việc áp dụng ở nhiệt độ phòng 23°C và độ ẩm tương đối 50%<br>+ Thời gian trộn $\geq 30\text{ giây}$<br>+ Thời gian làm việc từ lúc trộn $\geq 3\text{ phút } 10\text{ giây}$<br>+ Thời gian đông cứng từ lúc trộn $\geq 7\text{ phút}$<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu) | Hộp  | 24       |
| 225 | Vật liệu gắn mắc cài sử dụng trong chính nha (niềng răng) | Vật liệu gắn mắc cài sử dụng trong chính nha (niềng răng)<br>- Thành phần: acrylate<br>- Dạng: gel đông cứng bằng ánh sáng quang trùng hợp<br>- Sử dụng ở nhiệt độ: từ 20 $\rightarrow$ 25°C<br>- Tương thích với đèn quang trùng hợp<br>- Yêu cầu khi sử dụng: dán tốt cho mắc cài kim loại và mắc cài sứ.<br>- Quy cách: 2 ống/hộp (ống $\geq 4\text{g}$ ); 1 lọ primer $\geq 6\text{ml}$ và 60 tip quét primer<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                                                                                                                                                                    | Bộ   | 11       |
| 226 | Vật liệu gắn tạm cầu mào răng                             | Vật liệu gắn tạm cầu mào răng dùng để gắn tạm các răng tạm, gắn tạm mào răng, cầu răng, gắn cầu và mào trên trụ implant...cho người bệnh nhạy cảm với Eugenol<br>- Thành phần: 60g Zinc Oxide, 20g Resin và nonanoic acid<br>- Dạng: hỗn hợp sệt và chất xúc tác<br>- Thời gian trộn: khoảng 6 phút.<br>- Tổng thời gian làm việc từ lúc trộn $\geq 1\text{ phút } 30\text{ giây}$<br>- Đóng gói: Base 40g + Chất xúc tác 14g/hộp<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)                                                                                                                                                            | Hộp  | 67       |

*Wor*



| STT | Tên danh mục                                                 | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | ĐVT  | Số lượng |
|-----|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------|
| 227 | Vật liệu hỗ trợ tăng độ kết dính khi gắn sứ                  | Vật liệu hỗ trợ tăng độ kết dính khi gắn sứ (Acid HCl), tạo độ nhám trên bề mặt răng trước khi gắn<br>- Thành phần: $\geq 9.5\%$ hydrofluoric<br>- Dạng: gel, không mùi<br>- Không làm đổi màu sứ và xi măng gắn<br>- Trọng lượng: $\geq 5g$<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                                                                                               | Hộp  | 19       |
| 228 | Vật liệu hỗ trợ tăng độ kết dính khi trám composite các loại | Vật liệu hỗ trợ tăng độ kết dính (tạo độ nhám trên mặt răng) khi trám composite<br>- Thành phần: $\geq 37\%$ phosphoric acid, H <sub>2</sub> O, Xanhthan gum<br>- Dạng: gel, màu xanh trong, không mùi<br>- Trọng lượng: $\geq 3g$<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)                                                                                                                                                                                                         | Tuýp | 74       |
| 229 | Vật liệu hỗ trợ trám bít ống tủy (Côn phụ)                   | Vật liệu hỗ trợ trám bít ống tủy (Côn phụ) được sử dụng sau cây côn chính để trám bít bổ sung cho ống tủy<br>- Thành phần: Gutta Percha<br>- Kích thước, hình dáng và độ trơn khác nhau tương ứng loại A, B, C, D. Đầu chóp tròn<br>- Chỉ số đo lường ở mức 1/1000mm<br>- Cone được kiểm soát bằng laser<br>- Quy cách đóng gói: $\geq 120$ cái/hộp<br>- Tương đương với các loại trám tay<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) | Hộp  | 24       |
| 230 | Vật liệu làm khô ống tủy (Côn giấy)                          | Vật liệu làm khô ống tủy (Côn giấy) sử dụng để lau khô ống tủy trước khi trám bít<br>- Cấu tạo: giấy nén<br>- Kích cỡ: từ số 15 $\rightarrow$ 45, kích thước, hình dáng và độ trơn tương ứng ống tủy các loại<br>- Chỉ số đo lường ở mức 1/1000mm<br>- Cone được kiểm soát bằng laser<br>- Quy cách đóng gói: $\geq 200$ cái/hộp<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                           | Hộp  | 38       |
| 231 | Vật liệu lấy dấu răng loại nhanh                             | Vật liệu lấy dấu răng alginate dùng để lấy dấu khuôn răng trong phục hình, nghiến cứu khớp cắn, chỉnh nha...đặc biệt sử dụng cho các trường hợp: há miệng hạn chế, trẻ em, người cao tuổi<br>- Thành phần: Sodium alginate, Calcium sulfate<br>- Dạng: bột<br>- Bột có màu, không đổi màu khi trộn (loại nhanh)<br>- Thời gian trộn: khoảng 20 giây<br>- Trọng lượng: $\geq 500g$<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)          | Gói  | 262      |
| 232 | Vật liệu lấy dấu răng loại chậm                              | Vật liệu lấy dấu được sử dụng lấy dấu khuôn răng trong phục hình răng, nghiến cứu khớp cắn, chỉnh nha<br>- Thành phần: Sodium alginate, Alghamix II, Algitray<br>- Dạng: bột<br>- Bột có màu, đổi màu khi trộn (loại chậm)<br>- Thời gian trộn: chậm, $\geq 40$ giây<br>- Trọng lượng: $> 450g/gói$<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                                        | Gói  | 244      |

| STT | Tên danh mục                                                                                                 | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | ĐVT  | Số lượng |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------|
| 233 | Vật liệu tẩy trắng răng                                                                                      | Vật liệu tẩy trắng răng (dùng làm sạch mảng bám trên răng, giúp răng sáng trắng)<br>- Thành phần: hoạt chất tẩy trắng Carbamide Peroxide nồng độ khoảng 22%<br>- Dạng: Gel, màu trong suốt, không chảy thấm vào mô mềm<br>- Thời gian tác dụng trên răng: $\geq 30$ phút<br>- Trọng lượng tối thiểu: 3g/ống<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                                              | Tuýp | 103      |
| 234 | Vật liệu trám bít các lỗ hổng trên răng, dạng đặc (trám răng phía trước)                                     | Vật liệu trám bít các lỗ hổng trên răng, dạng đặc dùng trong điều trị trám răng, điều trị tủy...<br>- Thành phần: hạt độn nhựa<br>- Dạng: lỏng<br>- Trọng lượng: $\geq 4$ g<br>- Tương thích với đèn quang trùng hợp và các vật liệu trám composite<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                                                                                                      | Hộp  | 162      |
| 235 | Vật liệu trám bít các lỗ hổng trên răng, dạng lỏng (trám răng phía trước)                                    | Vật liệu trám bít các lỗ hổng trên răng, dùng trong trám răng, điều trị tủy...<br>- Thành phần: Urethane modified BisGMA-adduct, BisEMA and diluents, Camphorquinone (CQ) Photoinitiator<br>- Dạng: lỏng<br>- Tương thích với vật liệu của phục hình gián tiếp truyền ánh sáng.<br>- Trọng lượng: 2g/ống<br>- Quy cách đóng gói: $\geq 2$ ống/hộp<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                        | Hộp  | 57       |
| 236 | Vật liệu trám bít các lỗ hổng trên răng, dạng đặc (trám xoang I, II, II, IV, V, răng sữa, tái tạo cùi răng)  | Vật liệu trám bít các lỗ hổng trên răng, trám xoang loại I, II III, IV, V, trám răng sữa, tái tạo cùi răng.<br>- Thành phần: Composite<br>- Dạng: đặc<br>- Cấu tạo: tỷ lệ hạt độn Nano $\leq 100$ nm<br>- Trọng lượng: $\geq 4$ g<br>- Tương thích với đèn quang trùng hợp, cây trám composite, keo dán composite, cây bôi keo...<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                        | Hộp  | 120      |
| 237 | Vật liệu trám bít các lỗ hổng trên răng, dạng lỏng (trám xoang I, II, II, IV, V, răng sữa, tái tạo cùi răng) | Vật liệu trám bít các lỗ hổng trên răng, dùng trong trám răng, trám phòng ngừa, điều trị tủy răng (trám xoang I, II, II, IV, V, răng sữa, tái tạo cùi răng)<br>- Thành phần: Composite<br>- Dạng: lỏng<br>- Cấu tạo: tỷ lệ hạt độn Nano chiếm $\geq 65\%$ thể tích.<br>- Tương thích với đèn quang trùng hợp, cây trám composite, keo dán composite, cây bôi keo...<br>- Quy cách: 2 ống x ( $\geq 2$ g)<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ) | Hộp  | 120      |
| 238 | Vật liệu trám bít ống tủy (Côn chính)                                                                        | Vật liệu trám bít ống tủy (Côn chính) được sử dụng sau khi tạo hình ống tủy với trám tay<br>- Thành phần: Gutta Percha<br>- Kích thước, hình dáng và độ trơn 2%<br>- Chỉ số đo lường ở mức 1/1000mm<br>- Cone được kiểm soát bằng laser<br>- Quy cách đóng gói: $\geq 120$ cái/hộp<br>- Tương đương với các loại trám tay<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                                | Hộp  | 23       |

2024



| STT | Tên danh mục                                                                             | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | ĐVT | Số lượng |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 239 | Vật liệu trám bít ống tủy dạng bột và nước, tương đương Mineral trioxide aggregate (MTA) | Vật liệu trám bít ống tủy dạng bột và nước, dùng trong điều trị tủy răng giúp làm sạch và diệt khuẩn<br>- Thành phần: Mineral trioxide aggregate (MTA), Hydroxyapatite<br>- Dạng: bột và nước<br>- Quy cách: Trọng lượng bột $\geq 2g$ bột, ống nước $\geq 2ml$<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                                                                                       | Hộp | 28       |
| 240 | Vật liệu trám bít ống tủy dạng bột                                                       | Vật liệu trám bít ống tủy dạng bột, dùng trong điều trị tủy răng giúp làm sạch và diệt khuẩn<br>- Thành phần: Prednisolone acetate $\geq 1.1\%$ , diodothymol, kẽm oxit, Bari Sunfat, tá dược...<br>- Dạng: bột<br>- Trọng lượng: $> 20g$<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                                                                                                             | Hộp | 16       |
| 241 | Vật liệu trám hoàn tất, dạng bột và nước                                                 | Vật liệu trám hoàn tất, dạng bột và nước, có thể sử dụng cho các xoang trám loại 1-2-3 (xoang vỡ lớn)<br>- Thành phần: ion florua, canxi và hydroxit<br>- Không chứa resin và không co rút<br>- Đóng gói: gồm 01 lọ bột ( $\geq 15g$ ) + 01 lọ nước (8g)<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                                                                                              | Hộp | 12       |
| 242 | Vật liệu trám tạm                                                                        | Vật liệu trám tạm dùng trong các điều trị trám răng tạm thời, chữa răng, trám theo dõi xoang sâu răng và chữa tủy răng<br>- Thành phần: Eugenate<br>- Dạng hỗn hợp đặc sệt, không cần trộn, tự đông cứng trong môi trường miệng<br>- Màu trắng hoặc hồng<br>- Trọng lượng: $\geq 30g$<br>- Bảo quản ở nhiệt độ $4 \rightarrow 25$ độ<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)/FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)                                                                  | Lọ  | 24       |
| 243 | Tay khoan phẫu thuật nha khoa, thẳng, mũi khoan 45mm                                     | Tay khoan phẫu thuật thẳng dùng để cắt chóp, phẫu thuật mở xương, lấy xương mục, tạo hình xương, mài xương<br>- Thành phần: Thép không gỉ<br>- Cấu tạo: Sử dụng tương thích mũi khoan và cắt có đường kính $\geq 2.3 \pm 0.05mm$ , chiều dài mũi khoan $\geq 45mm$ . Có thể tháo rời từng bộ phận để làm vệ sinh, có vòi phun nước làm mát bên ngoài.<br>- Bên ngoài tay khoan phủ lớp chống trầy xước<br>- Tốc độ motor tối đa 50.000 vòng/phút<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                              | Cái | 2        |
| 244 | Tay khoan phẫu thuật nha khoa thẳng có đèn, mũi khoan 45mm                               | Tay khoan phẫu thuật thẳng có đèn dùng để cắt chóp, phẫu thuật mở xương, lấy xương mục, tạo hình xương, mài xương.<br>- Thành phần: Thép không gỉ<br>- Cấu tạo: Sử dụng tương thích mũi khoan và cắt có đường kính khoảng 2.3mm, chiều dài mũi khoan $\geq 45mm$ . Có thể tháo rời từng bộ phận để làm vệ sinh. Có đèn gắn ở đầu tay khoan, vòi phun nước làm mát bên ngoài<br>- Bên ngoài tay khoan phủ lớp chống trầy xước<br>- Tốc độ motor tối đa khoảng 40.000 vòng/phút<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO | Cái | 2        |
| 245 | Tay khoan phẫu thuật nha khoa thẳng, mũi khoan 70mm                                      | Tay khoan phẫu thuật thẳng dùng để mài xương, mở xương, tạo lỗ trong xương.<br>- Thành phần: thép không gỉ.<br>- Cấu tạo: Sử dụng tương thích mũi khoan và cắt có đường kính $\geq 2.3 \pm 0.05mm$ chiều dài mũi khoan $\geq 70 \pm 1mm$ . Có thể tháo rời từng bộ phận để làm vệ sinh, có vòi phun nước làm mát bên ngoài<br>- Bên ngoài tay khoan phủ lớp chống trầy xước<br>- Tốc độ motor tối đa 50.000 vòng/phút.<br>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO                                                        | Cái | 2        |

| STT | Tên danh mục                        | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | ĐVT | Số lượng |
|-----|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 246 | Răng sứ kim Loại trên Implant       | <p>Răng sứ kim loại trên Implant dùng để thay thế cho răng thật trên Implant và thực hiện chức năng ăn nhai như răng thật.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo: Gồm khung sườn và lớp sứ thẩm mỹ phủ bên ngoài.</li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>* Khung sườn: Hợp kim Crome - Cobalt - Niken, thiết kế chuyên biệt tích hợp thân trụ răng cấy ghép (abutment) trên Implant.</li> <li>Lớp sứ thẩm mỹ phủ bên ngoài: Bột sứ E-max, Noritake, Ceramco3 PFZ.</li> </ul> </li> <li>- Kích thước: Theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của bệnh nhân (tất cả các loại răng).</li> <li>- Bảo hành tối thiểu 03 năm.</li> <li>- Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: Màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng.</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                | Gói | 20       |
| 247 | Cùi giả Zirconia                    | <p>Cùi giả Zirconia Có chức năng như giá đỡ, giữ cho mào sứ cứng chắc và khớp với phần răng gốc còn sót lại. Từ đó giúp phục hình sứ dễ dàng hơn, đồng thời hạn chế các trường hợp răng sứ bung, tuột và rơi khỏi chân răng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo: Từ các thoi Zirconia</li> <li>- Chất liệu: Zirconium nguyên khối.</li> <li>- Kích thước: Tùy theo kích thước hàm của bệnh nhân, lắp thiết kế lên hàm, phù hợp theo từng chỉ định của Bác sĩ.</li> <li>- Hỗ trợ kỹ thuật viên phối hợp với Bác sĩ của Bệnh viện để hoàn thiện sản phẩm.</li> <li>- Yêu cầu khi sử dụng: Không kích ứng niêm mạc miệng.</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | cái | 20       |
| 248 | Răng sứ, chịu lực đạt tới 1.350 Mpa | <p>Răng sứ dùng để thay thế cho răng thật hoặc phục hình răng hư tổn và thực hiện chức năng ăn nhai.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo: Gồm khung sườn và lớp sứ thẩm mỹ phủ bên ngoài.</li> <li>+ Sứ kết hợp tinh thẩm mỹ của sứ thủy tinh và độ cứng cao của phục hình nguyên khối. Zirconia đầu tiên được tích hợp huỳnh quang giống như răng thật</li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khung sườn: Sứ đa tinh thể, thành phần chính là Zirconium dioxide (<math>ZrO_2</math>) và có khả năng chịu lực nén xoắn cực lớn, đạt tới 1.350Mpa (gấp 5-7 lần răng thật).</li> <li>+ Lớp sứ thẩm mỹ phủ bên ngoài: Bột sứ E-max</li> </ul> </li> <li>- Kích thước: Theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước mẫu hàm và vị trí răng của bệnh nhân (tất cả các loại răng)</li> <li>- Bảo hành tối thiểu 15 năm</li> <li>- Hỗ trợ kỹ thuật viên so màu, chụp hình răng trực tiếp trên miệng bệnh nhân.</li> <li>- Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: Màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng.</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul> | Gói | 30       |

WU



| STT | Tên danh mục                                                                          | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | ĐVT | Số lượng |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 249 | Răng sứ trên implant, thời gian hành tối thiểu 15 năm                                 | <p>Răng sứ trên implant dùng để thay thế cho răng thật hoặc phục hình răng hư tổn và thực hiện chức năng ăn nhai.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo: Gồm khung sườn và lớp sứ thẩm mỹ phủ bên ngoài, có đầu kết nối với chân răng nhân tạo bên dưới.</li> <li>+ Sứ kết hợp tính thẩm mỹ của sứ thủy tinh và độ cứng cao của phục hình nguyên khối. Zirconia được tích hợp huỳnh quang giống như răng thật</li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khung sườn: Sứ đa tinh thể, thành phần chính là Zirconium dioxide và có khả năng chịu lực nén xoắn cực lớn, đạt tới 1.350 Mpa. Thiết kế chuyên biệt tích hợp thân trụ răng cấy ghép trên Implant.</li> <li>+ Lớp sứ thẩm mỹ phủ bên ngoài: Bột sứ E-max</li> </ul> </li> <li>- Kích thước: Theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của bệnh nhân (tất cả các loại răng)</li> <li>- Bảo hành tối thiểu 15 năm</li> <li>- Hỗ trợ kỹ thuật viên so màu, chụp hình răng trực tiếp trên miệng bệnh nhân.</li> <li>- Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: Màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng.</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul> | Gói | 20       |
| 250 | Hàm lai khung sườn titanium nguyên khối có cùi răng trên 4 trụ implant (cắt bằng máy) | <p>Hàm lai khung sườn titanium nguyên khối (cắt bằng máy) có cùi răng trên 4 trụ implant có công dụng kết nối và chịu lực như một giá đỡ tiếp nối giữa vật liệu cấy ghép implant và phục hình răng (đúc rời) bên trên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo: Khung sườn Titanium và răng sứ (đúc rời) bên trên.</li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khung sườn: Titanium nguyên khối.</li> <li>+ Răng trên khung sườn: Zirconia</li> </ul> </li> <li>+ Lớp sứ thẩm mỹ phủ ngoài: Bột sứ Emax</li> <li>- Kích thước: Chiều dài tùy theo mẫu lấy dấu từ miệng người bệnh, phù hợp với vị trí và kích thước răng của người bệnh.</li> <li>- Hỗ trợ kỹ thuật khi Bác Sĩ có yêu cầu</li> <li>- Yêu cầu khi sử dụng: Không gây kích ứng trong môi trường miệng; dễ dàng điều chỉnh theo nhu cầu điều trị</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Gói | 2        |
| 251 | Răng sứ Centonia                                                                      | <p>Răng sứ Centonia dùng để thay thế cho răng thật hoặc phục hình răng hư tổn và thực hiện chức năng ăn nhai.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo: Gồm khung sườn và lớp sứ thẩm mỹ phủ bên ngoài</li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khung sườn: Vật liệu tương đương Zirconia. Các thoi sứ Zirconia được nung ở nhiệt độ cao có khả năng chịu lực nén, ép, xoắn cực lớn,</li> <li>+ Lớp sứ thẩm mỹ phủ ngoài: Bột sứ E-max (thẩm mỹ tối đa), Noritake.</li> </ul> </li> <li>- Kích thước: Theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của bệnh nhân (tất cả các loại răng)</li> <li>- Bảo hành tối thiểu 5 năm</li> <li>- Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: Màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng.</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Gói | 20       |

| STT | Tên danh mục                                   | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | ĐVT | Số lượng |
|-----|------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 252 | Răng sứ Centonia trên implant                  | <p>Răng sứ Centonia trên implant dùng để thay thế cho răng thật hoặc phục hình răng hư tổn và thực hiện chức năng ăn nhai.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu tạo: Gồm khung sườn và lớp sứ thẩm mỹ phủ bên ngoài. Thiết kế chuyên biệt tích hợp thân trụ răng cấy ghép (abutment) trên Implant.</li> <li>- Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khung sườn: Vật liệu tương đương Zirconia. Các thoi sứ Zirconia được nung ở nhiệt độ cao có khả năng chịu lực nén, ép, xoắn cực lớn,</li> <li>+ Lớp sứ thẩm mỹ phủ ngoài: Bột sứ E-max (thẩm mỹ tối đa), Noritake.</li> </ul> </li> <li>- Kích thước: Theo yêu cầu của Bác sĩ phù hợp với kích thước và vị trí răng của bệnh nhân (tất cả các loại răng)</li> <li>- Bảo hành tối thiểu 5 năm</li> <li>- Yêu cầu chất lượng khi sử dụng: Màu răng phải đúng theo bảng so màu Bác sĩ đã lấy trên người bệnh, tạo cảm giác thoải mái cho người sử dụng.</li> <li>- Đóng gói: gói/1 cái</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO</li> </ul> | Gói | 20       |
| 253 | Nẹp góc cong vùng hàm mặt 8 lỗ, dùng vít 2.0mm | <p>Nẹp cố định giữ chỗ góc cong 8 lỗ, dùng trong cố định xương gãy vùng hàm mặt</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titaninun</li> <li>- Kích thước: bề dày bản nẹp khoảng 0.6 - 1.0mm, đường kính lỗ bắt vít tối thiểu 2.0mm</li> <li>- Cấu tạo: Nẹp góc cong chữ V, 8 lỗ</li> <li>- Tương thích hệ thống vít đường kính khoảng 2.0mm cùng hãng</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Cái | 2        |
| 254 | Nẹp cong vùng sàn ổ mắt 6 lỗ, dùng vít 2.0mm   | <p>Nẹp cố định giữ chỗ loại cong 6 lỗ, dùng trong cố định xương gãy vùng sàn ổ mắt</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium</li> <li>- Kích thước: bề dày bản nẹp khoảng 0.5 đến 0.6mm, kích thước lỗ bắt vít tối thiểu 2.0mm</li> <li>- Cấu tạo: Nẹp có góc cong, 6 lỗ</li> <li>- Tương thích hệ thống vít đường kính khoảng 2.0mm cùng hãng</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Cái | 5        |
| 255 | Nẹp thẳng vùng hàm mặt 16 lỗ, dùng vít 2.0mm   | <p>Nẹp cố định giữ chỗ loại thẳng 16 lỗ, dùng trong cố định xương gãy vùng hàm mặt</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titan</li> <li>- Kích thước: Bề dày bản nẹp từ 0.6-1.0mm, đường kính lỗ bắt vít tối thiểu 2.0mm</li> <li>- Cấu tạo: Nẹp thẳng, 16 lỗ</li> <li>- Tương thích hệ thống vít đường kính khoảng 2.0mm cùng hãng</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Cái | 10       |
| 256 | Nẹp góc hàm 25 lỗ, dùng vít 2.3mm              | <p>Nẹp cố định giữ chỗ loại thẳng 25 lỗ, dùng trong cố định xương gãy vùng hàm mặt</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium</li> <li>- Kích cỡ: Bề dày bản nẹp khoảng từ 2.6mm <math>\pm</math> 0.1, đường kính lỗ bắt vít tối thiểu 2.0mm</li> <li>- Cấu tạo: Nẹp góc 25 lỗ có các mắt xích lỗ vít đều nhau hoặc đối xứng, gồm 7 lỗ + 8 lỗ, đường kính lỗ bắt vít có ren khóa tối thiểu 2.3mm</li> <li>- Tương thích hệ thống vít đường kính khoảng 2.3mm cùng hãng</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Cái | 3        |
| 257 | Nẹp góc hàm 27 lỗ, dùng vít 2.3mm              | <p>Nẹp tái tạo cố định giữ chỗ 27 lỗ, dùng trong cố định xương gãy vùng góc hàm</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium</li> <li>- Kích cỡ: Bề dày bản nẹp khoảng 2.6mm <math>\pm</math> 0.1</li> <li>- Cấu tạo: Nẹp góc có 27 lỗ, gồm 7 lỗ + 20 lỗ, đường kính lỗ bắt vít có ren khóa tối thiểu 2.3mm</li> <li>- Tương thích hệ thống vít hàm có đường kính khoảng 2.3mm cùng hãng</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Cái | 3        |

20/02



| STT | Tên danh mục                                   | Đặc tính kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | ĐVT | Số lượng |
|-----|------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----------|
| 258 | Nẹp toàn hàm 35 hoặc 37 lỗ dày, dùng vít 2.3mm | <p>Nẹp tái tạo cố định giữ chỗ 35 hoặc 37 lỗ, dùng trong cố định xương gãy vùng hàm mặt</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium</li> <li>- Kích cỡ: bề dày bản nẹp khoảng 2.6mm ± 0.1</li> <li>- Cấu tạo: Nẹp có 2 góc cong 7x21x7 lỗ (35 lỗ) hoặc 7x23x7 lỗ (37 lỗ), đường kính lỗ bắt vít có ren khoá 2.3 đến 2.4mm</li> <li>- Tương thích hệ thống vít hàm có đường kính khoảng 2.3mm cùng hãng</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)</li> </ul> | Cái | 1        |
| 259 | Vít chống long đường kính 2.0mm                | <p>Vít cố định kết hợp xương gãy vùng hàm mặt, loại chống long:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium</li> <li>- Kích cỡ: đường kính mũ vít từ 1.65 - 2.0mm, dài 5-7mm</li> <li>- Cấu tạo: Mũ vít chữ X, có độ xoắn vít cao hạn chế long vít</li> <li>- Tương thích Nẹp 6, 8, 16 lỗ cùng hãng</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)</li> </ul>                                                                                                    | Cái | 100      |
| 260 | Vít lớn 2.3mm dùng cho nẹp tái tạo             | <p>Vít cố định kết hợp xương gãy vùng hàm mặt, loại lớn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Titanium</li> <li>- Kích cỡ: Đường kính mũ vít tối thiểu 2.3mm, dài 6 - 18mm</li> <li>- Cấu tạo: Mũ vít chữ X, có ren khoá vít với nẹp để cố định chắc chắn vùng hàm</li> <li>- Tương thích Nẹp tái tạo 25, 27, 35, 37 lỗ cùng hãng</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)</li> </ul>                                                                        | Cái | 60       |

CÔNG TY: .....

ĐỊA CHỈ: .....

SỐ ĐIỆN THOẠI: .....

## BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM

Theo công văn mời chào giá số ...../BVĐHYD-VTTB của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

| STT | DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ           |              | HÀNG HÓA CHÀO GIÁ                                                                                                                            |                   |                     |                     |                       |                   |                   |     |                                 |                      |                 |                                                                                       |                         |
|-----|---------------------------------|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------|---------------------|-----------------------|-------------------|-------------------|-----|---------------------------------|----------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
|     | STT trong danh mục mời chào giá | Tên hàng hóa | Tên thương mại                                                                                                                               | Đặc tính kỹ thuật | Chủng loại /Mã hàng | Hãng/ Nước sản xuất | Hãng/ Nước chủ sở hữu | Số lưu hành/ GPNK | Quy cách đóng gói | ĐVT | Số lượng (có khả năng cung ứng) | Đơn giá có VAT (VNĐ) | Mã HS (HS code) | Ghi chú                                                                               | Thông tin người liên hệ |
|     |                                 |              |                                                                                                                                              |                   |                     |                     |                       |                   |                   |     |                                 |                      |                 | Chứng minh giá (nếu có):<br>- Tên cơ sở y tế;<br>- QĐ trúng thầu;<br>- Giá trúng thầu |                         |
|     |                                 |              | Lưu ý: Thông tin chào giá của hàng hóa phải thống nhất với thông tin hàng hóa đã được BHXH duyệt theo Quyết định 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 |                   |                     |                     |                       |                   |                   |     |                                 |                      |                 |                                                                                       |                         |

- Báo giá này có hiệu lực ..... ngày kể từ ngày báo giá.
- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.
- Các yêu cầu khác của Công ty (nếu có): .....

Ngày ... tháng .... năm ....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

(Ký tên và đóng dấu)



BM: CVĐT.03(1)

